

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức ấy, lúc trưởng thành, đối với sắc luôn có sự tiếp cận vui thích, đối với thanh, hương, vị, xúc, cũng lại như vậy. Là chỗ sanh trưởng của sắc, thanh, hương, vị, xúc, tâm như vậy là do không chánh tư duy nên đối với cảnh giới giải thoát không thể an lập được.

Này các Trưởng lão, có hai mươi thứ tưởng, người phàm phu do các tưởng đó luôn khiến cho tự tâm sợ sệt, nhầm chán. Những gì là hai mươi?

1. Nay ta trống rỗng chẳng có uy đức thù thắng.
 2. Nay ta sẽ phải chết, không chế ngự được cái chết.
 3. Ta sẽ bị đọa vào nơi chốn thấp kém nhất.
 4. Nay ta thực hành phương pháp đưa đến sợ hãi, tai nạn.
 5. Nay ta chẳng biết phương pháp làm cho không sợ sệt.
 6. Nay ta không hiểu rõ về con đường ngay thẳng, bình đẳng, quang minh.
 7. Nay ta không được tâm định để xa lìa mọi sự tán loạn.
 8. Đời vị lai ta sẽ thọ lãnh các sự khổ không chịu nổi.
 9. Không thể luôn được duyên lành dồi dào để tu tập.
 10. Ý tưởng có thể bị giết hại thường theo đuổi ta.
 11. Chẳng có gì để ngăn chặn ta khỏi trôi lăn trong sáu đường.
 12. Nay ta chưa được giải thoát khỏi bốn cõi.
 13. Nay ta chưa lìa bỏ được vô lượng các thứ kiến chấp.
 14. Nay ta chưa tạo được nghiệp lành để ngăn chặn dòng nghiệp vô gián ở đời vị lai.
 15. Nay ta chưa tạo được việc chấm dứt sanh tử từ vô thiếp nối tiếp đến đời sau.
 16. Nếu không dốc tâm tạo các nghiệp thiện, cuối cùng chẳng thành tựu được gì.
 17. Không có người khác vì mình tạo nghiệp.
 18. Nếu không tạo tác nghiệp thiện sẽ không đạt được sự an ổn tốt đẹp.
 19. Nếu đã tạo nghiệp, chắc chắn phải có quả báo.
 20. Nay ta không biết là bị vô minh che lấp, chắc chắn không tránh khỏi khổ hoạn của sự chết.
- Do từ ý nghĩa trên, nên kẻ phàm phu lấy các tưởng này, thường

khiến cho tự tâm nhảm chán, sợ sệt, làm ngăn che tự tâm.

Lại có hai mươi pháp, mau tạo được chỗ nương tựa, an trú. Những gì là hai mươi?

1. Tâm chánh tư duy, sẽ mau được an trú.
2. Tâm suy tư theo đúng thứ lớp.
3. Trụ nơi tướng nhất tâm tư duy.
4. Nhập Tam-ma-đề (Chánh định).
5. Ra khỏi Tam-ma-đề.
6. Tự kiềm chế cho tâm lắng xuống.
7. Được tướng nâng cao tâm lên.
8. Được tướng tâm xả bỏ.
9. Được xa lìa chỗ hành hóa không thích hợp.
10. Được hành xử đúng việc.
11. Được thọ nhận lời dạy chân chánh.
12. Luôn tu tập tướng nhảm chán sự xấu ác.
13. Thường tu tập nhiều tướng hỷ lạc.
14. Có thể đạt được pháp môn thắng trí.
15. Được nương tựa vào bậc Sư trưởng tôn quý.
16. Dốc tu hạnh thiện, tâm mau được an trú.
17. Dốc tu pháp niệm A-na-ba-na (Quán hơi thở ra vào).
18. Tu tập pháp quán bất tịnh.
19. Tu tập đúng pháp Tứ niêm xứ.
20. Nỗ lực tu quán Tứ thánh đế.

Hội nhập trong các thật tướng này thì tâm mau đạt được nơi chốn nương tựa, an trú.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể tu tập đúng như lý về các pháp chánh cần, lại nên biết về mươi một thứ chướng ngại gây khó khăn. Những gì là mươi một?

1. Luôn luôn ở nơi chỗ đông đảo.
2. Coi trọng việc ăn uống.
3. Thường tạo mọi sự đùa giỡn.
4. Thường nói lời bôn cợt.
5. Thường ưa thích ngủ nghỉ.
6. Thường ưa nói bậy bạ.
7. Thường ưa cuộc sống ồn ào.

8. Tiếc thân mình.
9. Tâm thường tán loạn, dao động.
10. Tâm thường phóng dật không thích tu tập.
11. Ở chỗ phi pháp.

Này các Trưởng lão, mười một thứ này gọi là pháp chướng ngại, chưa từng bị hàng phục, tiêu diệt. Để diệt trừ nó, có mười thắng trí, quyết phải tu tập. Những gì là mười?

1. Thắng trí Tam-ma-đè (Chánh định).
2. Thắng trí an trụ nơi pháp định.
3. Thắng trí xuất định.
4. Thắng trí đè ép vọng tâm xuống.
5. Thắng trí nâng cao tâm lên.
6. Thắng trí xả bỏ.
7. Thắng trí khéo tiến tới.
8. Thắng trí khéo thoái lui.
9. Thắng trí tạo phƯƠng tiện.
10. Thắng trí dẫn dắt thu nhiếp.

Này các Trưởng lão, vị Thánh đệ tử nếu có thể đạt được mười thứ Thắng trí ấy, lại có mười ba pháp nương dựa của hỷ lạc, nhờ vào bên trong mà sanh khởi. Những gì là mười ba?

Nếu người có tín tâm, chân chánh nghĩ đến bậc Đại sư, khi ấy sự hỷ lạc liền nương vào bên trong mà phát sanh. Đó gọi là người có tín tâm có được chỗ nương dựa của hỷ lạc.

Suy nghĩ đúng đắn về chánh pháp.

Suy nghĩ chân chánh về Tăng.

Suy nghĩ đúng đắn về giới thanh tịnh của mình và của người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp thiện xả thí của mình và người.

Suy nghĩ chân chánh về pháp tu tập chứng đắc của mình và người. Bấy giờ nhờ nương tựa vào bên trong liền sanh hỷ lạc.

Nên nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp diệt trừ các thứ khổ, nương vào đó mà có chánh niệm”. Khi ấy, nhờ nương vào bên trong, liền sanh hỷ lạc.

Nên suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn vì ta mà giảng nói pháp, khiến sanh trưởng các thứ lợi ích an lạc”.

Nên nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn đã vì ta mà chỉ dạy các pháp

nhầm ngăn chặn, cấm chỉ, đoạn trừ, cách ly vô lượng pháp ác gây chướng ngại”.

Lại suy nghĩ như vậy: “Đức Thế Tôn vì ta mà làm cho sanh trưởng vô lượng pháp thiện hỗ trợ đạo”.

Người có tín tâm, nhờ bốn niệm này, mà trong khi tu tập liền sanh hỷ lạc.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử nếu thường xuyên đạt được mươi ba thứ hỷ lạc, nương tựa vào bốn pháp, lại có năm pháp... giúp cho việc tu hành được viên mãn. Những gì là bốn pháp cần được nương tựa vào?

1. Tin tưởng, ưa thích.
2. Tinh tấn.
3. Ở riêng một mình nơi chỗ vắng vẻ, tâm được an trụ.
4. Đối với việc tu tập và sự biến diệt, tâm đừng có nhảm chán một cách thái quá.

Những gì là năm pháp giúp cho việc tu hành được viên mãn?

1. Tâm an ổn.
2. Tâm hoan hỷ.
3. Tâm có chỗ nương dựa.
4. Tâm lạc.
5. Tâm định.

Này các Trưởng lão, do năm pháp như vậy nên giúp cho sự tu tập được viên mãn.

Lại có tám thứ gai nhọn phải xa lìa, phải hủy diệt. Những gì là tám?

1. Gai nhọn của Dục.
2. Gai nhọn của Sân.
3. Gai nhọn của Si.
4. Gai nhọn của Ngã mạn.
5. Gai nhọn của Ái.
6. Gai nhọn của Kiến chấp.
7. Gai nhọn của Vô minh.
8. Gai nhọn của Nghi ngờ.

Đối với tám thứ gai nhọn này phải xa lìa, trừ diệt.

Nhờ vậy mà các Thánh đệ tử đạt được mươi thứ Thánh pháp vô học. Những gì là mươi?

1. Vô học về Chánh kiến.
2. Vô học về Chánh giác (Chánh tư duy).
3. Vô học về Chánh ngôn (Chánh ngữ).
4. Vô học về Chánh nghiệp.
5. Vô học về Chánh mạng.
6. Vô học về Chánh tinh tấn.
7. Vô học về chánh niệm.
8. Vô học về Chánh định.
9. Vô học về chánh giải thoát.
10. Vô học về chánh giải thoát tri kiến.

Này các Trưởng lão, các vị Thánh đệ tử do có thể chứng đắc mười pháp vô học ấy, nên luôn tạo được mọi tương ứng, không có thoái chuyển, mất mát.

Các vị Thánh đệ tử ấy đã lìa năm phần, tương ứng sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn pháp nương tựa, xả bỏ một nẻo thiên chấp, ra khỏi lối lầm của sự tìm cầu; quan sát, suy nghĩ không ô trược, thân hành tịch tĩnh, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, ở riêng an trú nơi thanh tịnh, điều cần làm đã làm xong. Như vậy gọi là bậc Trưởng phu thù thắng.

Này các Trưởng lão, tâm-ý-thức sau cùng này, chẳng phải là do sắc, thanh sanh ra nuôi lớn, phát triển, mọi duyên đã dứt hết, nên sự thọ sanh ở đời sau đều đã vĩnh viễn đoạn trừ. Đó gọi là vĩnh viễn đoạn trừ cái khổ ở đời sau. Do giảng nói về nghĩa này cho nên gọi tên là “Pháp môn Quảng Nghĩa”.

Này các Trưởng lão, tôi đã giảng nói cho các vị nghe các pháp ác, đó là: ban đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, nghĩa thiện, lời thiện, thuần nhất không xen tạp, thanh tịnh viên mãn, đã vì các vị chỉ bày phạm hạnh, gọi là pháp môn Quảng Nghĩa. Trước đây tôi đã hứa nói những lời như vậy, thì nay tôi đã nói xong.

Bấy giờ Tôn giả Tịnh Mạng Xá-lợi-phất, khi giảng nói kinh này xong, các bậc đồng hành thông tuệ, vô lượng đồ chúng chưa chứng chân nghĩa nay được chứng đắc. Ai chưa được đạo quả Sa-môn thì nay chứng đắc cả, nên đều hết sức vui mừng, tín thọ phụng hành.

Đại đức Xá-lợi-phất đã thuyết giảng như vậy.



SỐ 98

PHẬT NÓI KINH PHỔ PHÁP NGHĨA

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Đại sư An Thế Cao.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà- Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Hiền giả Xá-lợi-phất mời các Tỳ-kheo cùng nghe thuyết pháp, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, khéo phân biệt lãnh hội, thanh tịnh tròn đầy: “Hãy lắng nghe, hạnh của Hiền giả gọi là pháp hạnh đầy đủ. Hãy khéo suy nghĩ kỹ!”

Các Tỳ-kheo vâng theo lời của Hiền giả, theo Hiền giả Xá-lợi-phất để nghe pháp.

Hiền giả Xá-lợi-phất liền nói về mười hai thời tụ hội, có thể đưa Hiền giả đến Thánh đạo. Những gì là mười hai?

1. Tự mình có thể dạy mình.
2. Cũng có thể dạy người khác.
3. Sanh vào cõi người.
4. Sanh vào hàng Thánh giả.
5. Các căn đầy đủ.
6. Không theo nghiệp thế gian.
7. Thấy bậc Hiền giả thì vui mừng.
8. Gặp Phật ra đời.
9. Nghe Phật thuyết giảng pháp.
10. Đã nghe thuyết pháp, có thể lãnh hội.
11. Có thể lãnh hội sự chỉ dạy từ bên ngoài.

12. Có thể theo lời Phật dạy, đúng như lý tu tập.

Đây là mươi hai thời tu hội của Hiền giả, đưa đến sự đắc đạo của Hiền giả, theo đó mà thực hành.

Nếu muốn thuyết giảng kinh cho người khác nghe, phải thuyết giảng hai mươi pháp này. Những gì là hai mươi?

1. Khéo thuyết giảng.
2. Nói đầy đủ.
3. Nói có trước sau.
4. Nói theo thứ lớp.
5. Nói một cách hoan hỷ.
6. Nói điều đáng nói.
7. Nói điều cởi mở tâm ý.
8. Nói điều để dứt bỏ sự hổ thẹn.
9. Không nói điều trách cứ.
10. Nói lời hòa hợp.
11. Nói lời thích ứng.
12. Không nói lời ly tán.
13. Vì pháp mà nói.
14. Vì thuận hợp với chúng hội mà nói.
15. Vì khế cơ mà nói.
16. Vì nhằm trợ giúp cho ý mà nói.
17. Vì chẳng phải muốn có tiếng tăm mà nói.
18. Không phải vì việc lợi mà nói.
19. Không ức khuyết.
20. Không bị người chi phối.

Nếu Hiền giả Tỳ-kheo muốn thuyết giảng pháp cho người khác thì phải nêu dựa theo hai mươi pháp này mà thuyết giảng.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại bảo các Tỳ-kheo:

–Người muốn nghe pháp phải có mươi sáu sự việc. Những gì là mươi sáu?

1. Nên nghe đúng lúc.
2. Cần phải nghe đầy đủ.
3. Nên chú ý nghe.
4. Phải dốc tâm thực hiện.
5. Không nên bình phẩm chê trách.

6. Không nên chê trách lỗi lầm.
7. Chớ tìm cầu sở trường, sở đoản của người khác.
8. Nên vì pháp mà cung kính.
9. Phải cung kính người thuyết giảng pháp.
10. Chớ coi thường pháp.
11. Cũng chớ coi thường người thuyết giảng pháp.
12. Chớ nên quá tự ti.
13. Nhất tâm lắng nghe.
14. Không có ý gì khác.
15. Giữ tâm chân chánh.
16. Thọ nhận, ghi nhớ các pháp đã được nghe.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp nên ghi nhớ mười sáu điều thì mới có thể nghe pháp. Những gì là mười sáu?

1. Đúng lúc mới có thể nghe pháp.
2. Có thể nghe nhiều mới có thể nghe pháp.
3. Nhĩ căn có khả năng nghe mới có thể nghe pháp.
4. Vì tôn thờ mới có thể nghe pháp.
5. Không được chê trách mới có thể nghe pháp.
6. Chớ tìm cầu các khuyết điểm mới có thể nghe pháp.
7. Vì tôn kính pháp nên mới có thể nghe pháp.
8. Vì tôn kính người thuyết giảng kinh nên mới có thể nghe pháp.
9. Chớ coi thường pháp mới có thể nghe pháp.
10. Chớ coi thường người thuyết giảng pháp mới có thể nghe pháp.
11. Không nên quá tự ti mới có thể nghe pháp.
12. Một lòng hướng về mới có thể nghe pháp.
13. Không có ý gì khác mới có thể nghe pháp.
14. Giữ ý chân chánh mới có thể nghe pháp.
15. Luôn nhớ nghĩ mới có thể nghe pháp.
16. Định ý mới có thể nghe pháp.

Nếu Hiền giả muốn được nghe pháp, nên so sánh với mười sáu điều trên mới có thể nghe pháp. Đã nghe pháp như trên liền sanh sự tin tưởng thuận hợp, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy Hiền giả liền sanh ra sự ưa thích vô dục, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền sanh ra trong ý cảm thọ niềm vui, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy,

được lìa bỏ nghi, kiến chấp lại được rõ điều tối thượng, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền bỏ ác, giữ ý nơi Chánh định, từ đó đưa đến thanh tịnh, giải thoát. Đã nghe pháp như vậy liền thấy Ấm là vô sở hữu, liền thấy Ấm là rỗng không, liền thấy Ấm là vật hèn mọn, đã thấy như vậy ý liền được thông tỏ, ý liền thanh tịnh, ý được tịnh lặng, ý liền giải thoát. Như vậy từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy, liền thấy tất cả hành của thế gian là trống không, không còn an trụ trong đó nữa, dứt hết mọi ái, làm cho ý chuyển, được tịnh lặng, được giải thoát, từ đó đưa đến Niết-bàn. Đã nghe pháp như vậy rồi, đối với hành tướng của các dục theo hạnh ở riêng một mình để đoạn trừ dục vọng, được đệ nhất nguyện, từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe được pháp như vậy rồi, dùng mắt thanh tịnh lãnh hội Tứ đế từ đó đưa đến giải thoát. Đã nghe pháp như vậy rồi dốc phụng hành đầy đủ, từ đó đưa đến giác ngộ. Đã nghe như vậy rồi, Hiền giả dạy đệ tử không được nói những việc gây phiền não, phải nói điều làm cho người khác nghe xong được vui thích, cũng không phạm giới pháp, cũng tùy thuận sự an ổn.

Tự mình mong được mười pháp này, đưa đến trí tuệ. Những gì là mười?

1. Làm theo hàng thiện tri thức.
2. Khéo giữ giới.
3. Cùng kẻ thiện đồng học.
4. Biết thọ ý.
5. Thọ nhận giáo pháp.
6. Tham vấn các bậc Tôn túc.
7. Nghe thuyết giảng kinh.
8. Tụ hội lại để nói kinh.
9. Nói về nhân duyên của sự kinh sơ, đưa đến kinh sơ.

10. Tự mình quán tưởng để thấy xấu hổ, kinh sợ. Khi tự mình quán thì đoạn trừ được tất cả pháp ác. Từ căn bản của sự nội quái mới có thể lĩnh hội pháp ấy và liền được định ý, được tự tại. Tất cả đều do nội quán căn bản ấy. Đây là sự thật để chỉ dạy cho đệ tử xả bỏ ngay từ gốc.

Có thể thực hành mười tưởng. Những gì là mười?

1. Nhớ nghĩ về tưởng bất tịnh.

2. Tư duy về phi thường (vô thường).
3. Tư duy do phi thường đưa đến khổ.
4. Tư duy vì khổ cho nên phi thân (vô ngã).
5. Tư duy về đồ ăn là ô uế.
6. Tư duy về muôn vật trong thiên hạ đều không vui sướng.
7. Tư duy về cái chết.
8. Tư duy về vô minh.
9. Tư duy loại trừ ý vọng.
10. Tư duy về sự tịch diệt.

Niệm về tưởng bất tịnh, này Hiền giả, là không rơi vào mười bốn tà pháp. Những gì là mười bốn?

1. Cùng ở chỗ đông đảo, làm mất chánh niệm.
2. Tụ hội nơi chỗ khởi tham.
3. Nhiều tham dục.
4. Tư tưởng không thanh tịnh.
5. Không thể đạt được quán bất tịnh.
6. Cùng làm việc với người làm việc ác.
7. Không biết điều phải.
8. Không tôn kính.
9. Không học hỏi.
10. Không giữ gìn các căn.
11. Ăn uống không biết đủ.
12. Đầu đêm, cuối đêm không tỉnh giác để tu tập.
13. Không thể ở riêng một mình để thiền định.
14. Không thể quán sát về tưởng phi thường (vô thường).

Này Hiền giả, vì theo tưởng dục, vô thường, khổ của thế gian nên rơi vào sáu pháp ác. Những gì là sáu?

1. Không biết đủ.
2. Không tinh tấn.
3. Bất tín.
4. Tham dục.
5. Không thích an trú ở chỗ vắng vẻ tịch tĩnh.
6. Không đạt được pháp quán tưởng về khổ, phi thân (vô ngã).

Tưởng Kiến thân ăn đồ tạp uế là vì tham đắm mùi vị nên không đắm trước.

Tư duy về sự bất lạc của thế gian là vì vạn vật ở thế gian thường hành theo tham dục.

Tư tưởng hướng về tà vạy, cái chết là tùy theo mạng căn, xa lìa tư tưởng tu tập sáng suốt.

Này Hiền giả, có mười một thứ tà. Những gì là mười một?

1. Nghi.
2. Không nhớ nghĩ.
3. Thân thô xấu.
4. Ham ngủ nghỉ.
5. Tinh tấn quá mức.
6. Không tinh tấn.
7. Vui vẻ một cách hư vọng.
8. Sợ sệt.
9. Tư tưởng không tập trung.
10. Không biết suy tính.

11. Tưởng quán sắc thái quá và muốn lìa đạo tịch diệt.

Nếu trụ nơi pháp ấy khiến cho dứt mất đạo, này Hiền giả, liền khiến cho mất đạo, chưa hoại diệt, khiến hoại diệt.

Có ba pháp thái quá, những gì là ba?

1. Tham.
2. Dứt trừ.
3. Tọa hành.

Tưởng về bất tịnh, này Hiền giả, phải đoạn trừ bằng mười bốn pháp. Những gì là mười bốn?

1. Không ở chỗ đông người.
2. Dứt bỏ ý vọng.
3. Không thích tụ hội đông đảo.
4. Tự giữ gìn.
5. Không ham chuộng bệnh tham dục.
6. Tùy thuận tịnh tưởng.
7. Quán tịnh tưởng.
8. Không ở chung với những người thế gian.
9. Không thọ lãnh sự nghiệp ở thế gian.
10. Tự giữ gìn căn môn.
11. Biết tri túc trong việc ăn uống.

12. Đâu đêm, cuối đêm luôn tỉnh giác, tu tập.
13. Nhảm chán dục, ở một mình.
14. Quán tưởng nhiều về bất tịnh.

Này Hiền giả, do sự thực hành vì để đoạn trừ ái dục nên thực hành, tu tập nhiều về vô thường tưởng. Do quán về vô thường, khổ để đoạn trừ ác dục nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Do quán tưởng về khổ, vô ngã để đoạn trừ chấp ngã nên đã tập, đã hành, đã tu thật nhiều. Từ chỗ “kiến thân” ấy nên đoạn trừ tưởng uế thực, đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do quán tưởng về cái chết để đoạn trừ quan niệm cho thế gian là tốt đẹp nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều để trừ ý tham sống lâu. Do đã đoạn trừ về tư tưởng tối tăm nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Nhờ đạt trí tuệ, thấy được tưởng hư vọng nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Nhờ quán tưởng diệt để đoạn trừ ái nên đã tập, đã hành, đã tu tập thật nhiều. Do vậy nên được xa lìa tà kiến. Vị Hiền giả, đệ tử học đạo hãy thọ trì chắc thật như thế.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp khiết không được thuận hợp với đạo. Những gì là hai mươi?

1. Không ở chung với người hành đạo.
2. Không dốc tâm học hỏi.
3. Không biết làm việc thích ứng.
4. Bị điếc câm.
5. Làm hạnh ác.
6. Có ý tham.
7. Đa sự.
8. Ít tinh tấn.
9. Hủy hoại chỗ mình nương tựa.
10. Ưa hình sắc.
11. Tự khoe khoang.
12. ĐIÊN đảo.
13. Mất chánh niệm.
14. Tham.
15. Ở chung với người bất thiện.
16. Không giữ gìn các căn.
17. Ăn uống không biết điều độ.
18. Đâu đêm, cuối đêm không tỉnh giác tu tập.

19. Không thích ở riêng một mình để thiền định.

20. Không quán đúng như thật.

Đó là hai mươi pháp, này Hiền giả, khiến cho lìa bỏ đạo pháp chưa đoạn diệt sẽ đoạn diệt. Có mươi một pháp để phát huy. Những gì là mươi một?

1. Mong muốn.
2. Dốc đạt được.
3. Thấy phương tiện.
4. Biết chiêm ngưỡng.
5. Không hao phí.
6. Thủ thắng.
7. Đạt pháp tướng.
8. Tùy thuận.
9. Hỏi han, tìm hiểu.
10. Riêng tự giữ gìn.
11. Quán đúng như thật có.

Như vậy là chánh quán phù hợp.

Này Hiền giả, vị đệ tử học đạo có hai mươi pháp để phát huy.

Những gì là hai mươi?

1. Cùng ở chung với người hành đạo.
2. Học hỏi.
3. Biết làm việc đúng lúc.
4. Không câm điếc.
5. Cùng làm.
6. Không ở với người tham.
7. Không đa sự.
8. Không bỏ tinh tấn.
9. Không ngang ngược.
10. Không theo hình dáng.
11. Không kiêu căng.
12. Không điên đảo.
13. Giữ gìn tâm ý.
14. Không tham.
15. Ở chung với những người thiện.
16. Phòng hộ các căn.

17. Ăn uống biết đủ.
18. Đầu đêm, cuối đêm luôn siêng năng tu tập.
19. Thích ngồi riêng một mình để tư duy.
20. Quán như thật.

Nếu đã quán như thế xong, vị Hiền giả lại phải quán có hai mươi hai thời xứ để tác thành Sa-môn hành, vì để mau đạt đến đích, hãy quan sát. Những gì là hai mươi hai?

1. Đã thọ lãnh sự không đoan chánh.
2. Đã tạo nghiệp khác.
3. Vì đời sống của mình mà nương tựa người khác.
4. Cho đến hết cuộc đời chỉ cầu áo quần, đồ ăn uống, thuốc men chữa bệnh lúc ốm đau và đồ nằm.
5. Suốt đời bị dục che lấp.
6. Thân hưởng dục lạc ở nhân gian cho đến lúc mạng chung. Đã làm Sa-môn phải gấp quán sát như vậy.
7. Đừng vì thân mình mà làm thương tổn kẻ khác.
8. Có thể ưa thích một mình ở nơi trống vắng.
9. Không theo tội mà thọ thực.
10. Đừng vì thân mình mà làm mất giới.
11. Đừng vì sự thông minh của mình mà tranh cãi với đồng đạo.
12. Hãy khiến cho đạo của mình phù hợp với sự học bốn đức, để khi mạng chung, giả sử có kẻ đồng đạo đến hỏi, ta vẫn giải thích được, đừng để đến khi đó mới tạm thời muốn hành đạo. Hãy quán như vậy.
13. Hãy khiến cho ta được quán “Ấm là vô thường”.
14. Hãy khiến cho ta được quán “Ấm là vô sở hữu”.
15. Khiến ta được quán “Ấm không quan trọng”. Hành giả phải gấp quán như vậy.
16. Vì khiến cho ta đối với thế gian hành không, không tham đắm, dứt tận ái, đạt giải thoát, nên ý hoan hỷ, định chỉ thọ, được giải thoát rồi, xa lìa thời xứ của hình thể bệnh tật. Phải quán như vậy.
17. Vì sanh, do sanh chi phối mà chưa được giải thoát.
18. Vì già, do già chi phối mà chưa được giải thoát.
19. Vì bệnh, do bệnh chi phối mà chưa được giải thoát.
20. Vì pháp phải chết, do pháp chết chi phối mà chưa được giải thoát. Đối với hình tướng trôi qua rất gấp, phải quán như vậy.

21. Vì tất cả những điều ta yêu thích rồi sẽ biệt ly, biến mất, người ta lấy đi, bị chết, không thể tồn tại lâu dài. Thân hình đối với thời gian và xứ (*không gian*) trôi qua rất nhanh, phải phân biệt quán như vậy.

22. Mỗi người tùy thuộc hành động của mình mà có quả báo, tùy theo sự tạo tác từ gốc của mỗi người, tùy theo hành động của từng người mà họ khổ, tùy theo sự hành động thiện hay ác của mỗi người mà phải họ quả báo tương ứng. Thân hình đối với thời xứ trôi qua rất nhanh, phải quán như vậy.

Đó là hai mươi hai hạnh đã tập, đã hành, đã làm nhiều lần. Vậy Sa-môn cũng như hành giả phải suy tư đầy đủ. Vì Sa-môn đã suy tư một cách đầy đủ việc làm của mình, liền có thể đầy đủ bảy điều suy tư. Những gì là bảy?

1. Thường tu tập không ngừng nghỉ, liền được nhập đạo.
2. Không di chuyển.
3. Không tranh chấp.
4. Suy nghĩ chân chánh.
5. Không khởi tâm kiêu mạn.
6. Chỉ ở thế gian mà cầu y phục.
7. Vì định chỉ ý mà được tự tại.

Đó là tâm, ý, thức của Hiền giả suốt cả ngày đêm lâu dài đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc ở thế gian mà không kiềm chế được thì nay có thể chế phục, định chỉ được, liền nhập vào dòng họ cam lộ.

Đã tu tập xong như vậy, Hiền giả có hai mươi chủng hạnh, chưa được đắc đạo, sẽ làm cho ý lo sợ. Những gì là hai mươi chủng hạnh?

1. Không có sự thâm nhập vào không.
2. Không học về cái chết.
3. Nương tựa vào chỗ thấp nhở.
4. Không sợ nghiệp.
5. Không biết, không sợ nghiệp.
6. Không biết đạo.
7. Không được định ý.
8. Đời đau khổ.
9. Khó gặp các Hiền giả.
10. Ở thế gian, không khác người thế gian.

11. Chưa làm cây cầu để thoát khỏi địa ngục.
12. Chưa thoát khỏi chổ ác.
13. Nhiều nghi ngờ.
14. Chưa tạo được nơi chủ yếu của thế gian.
15. Chưa được trí tuệ sáng suốt.
16. Đối với người này không thể làm. Nhưng đối với người kia có thể làm.
17. Cái không nên làm thì đừng làm.
18. Vì cái không làm nên cũng không có tốt xấu.
19. Đã làm rồi thì không bao giờ quên.
20. Chỉ tự hành đầy đủ, chỉ tự hành thuận hợp, chỉ tự hành theo gốc, chỉ tự hành theo nẻo quy về mà thôi. Nếu người tự làm thiện hay ác sẽ thọ lấy quả báo. Người trong thế gian này nên theo đó mà lo sợ cho thân mình.

Theo hai mươi nhân duyên này, ý ác thì lại bị ác, ý lo sợ thì bị lo sợ, ý xa lìa thì được xa lìa.

Có hai mươi chủng hạnh, ý phải sớm định chỉ. Những gì là hai mươi?

1. Niệm ý tưởng, ý liền được định chỉ nhanh.
2. Trong ý, biết ý, định chỉ nhanh.
3. Ý được nhất tâm, định chỉ nhanh.
4. Chánh tưởng, biết ý định chỉ nhanh.
5. Chánh chỉ tưởng, ý định chỉ nhanh.
6. Từ chánh kiến khởi tưởng, ý định chỉ nhanh.
7. Nhiếp tưởng, ý định chỉ nhanh.
8. Trợ tưởng, ý định chỉ nhanh.
9. Giữ tưởng, ý định chỉ nhanh.
10. Hành Bốn ý chỉ, ý định chỉ nhanh.
11. Hành Bốn đoạn ý, ý định chỉ nhanh.
12. Lìa bất khả hành, ý định chỉ nhanh.
13. Bốn thần túc, ý định chỉ nhanh.
14. Nên gần hành xứ, ý định chỉ nhanh.
15. Phải nương tựa theo học, ý định chỉ nhanh.
16. Phải đọc tụng hiểu rõ, ý định chỉ nhanh.
17. Phải có tâm Bi, ý định chỉ nhanh.

18. Tùy hỷ trong nhiều phương pháp, ý định chỉ nhanh.

19. Phải phân biệt mọi sự, ý định chỉ nhanh.

20. Phải thực hành điều này, ý định chỉ nhanh.

Như vậy là chánh thân. Vị Hiền giả dạy đệ tử có mười một điều ngăn cấm cần phải biết. Những gì là mười một?

1. Tụ hội.

2. Ăn nhiều.

3. Đa sự.

4. Nói nhiều.

5. Ngủ nhiều.

6. Thích đi dạo.

7. Thích ở chung.

8. Làm cho thân hưởng thụ dục lạc.

9. Khinh khi.

10. Tham dâm.

11. Không thích cùng ở trong xứ sở.

Những việc làm như vậy chưa đoạn thì nay phải đoạn.

Lại có mười một điều phải luôn học. Những gì là mười?

1. Phải luôn luôn định ý.

2. Phải luôn luôn định chỉ.

3. Luôn luôn khởi định.

4. Luôn luôn định chỉ.

5. Luôn luôn ngăn chặn.

6. Luôn luôn giữ gìn.

7. Luôn luôn trở về gốc.

8. Luôn luôn giữ gìn ngăn chặn.

9. Luôn luôn dùng phương tiện.

10. Luôn luôn hội nhập.

Người luôn luôn nhập đạo phải dạy đệ tử như vậy.

Có mười ba đức. Những gì là mười ba?

1. Đã niệm Đức Như Lai liền được tin tưởng, vui mừng, nhờ đó sanh ra hỷ.

2. Đối với pháp cũng vậy.

3. Đối với học giả cũng vậy.

4. Đối với việc trì giới của mình cũng vậy.

5. Đối với sự trì giới của người khác cũng vậy.
6. Đối với việc tự thân chứng đắc cũng vậy.
7. Đối với sự chứng đắc cũng vậy.
8. Đối với tự thân thí cũng vậy.
9. Đối với người khác thí cũng vậy.
10. Vì đạo mà trừ nhiều khổ.
11. Vì thế gian nói nhiều kinh khiến cho họ được tư duy.
12. Bỏ vô số hành động ác.
13. Làm vô số thiện pháp khiến cho sanh ra sự hoan hỷ, đã có tín tâm có thể sanh ra những sự vui mừng.

Như vậy, hãy dạy cho đệ tử như vậy.

Hãy nêu nương tựa vào bốn pháp hạnh, khiến cho năm pháp được tròn đầy. Những gì là nương tựa vào bốn pháp?

1. Nương tựa vào pháp.
2. Nương tựa vào sự mong muốn.
3. Nương tựa vào sự tinh tấn liên tục.
4. Nương tựa vào sự trụ thiền độc tọa, chớ tham đắm vào các dục khác.

Những gì là năm pháp tròn đầy có ích cho đạo?

1. Hỷ.
2. Ái.
3. Y.
4. Lạc.
5. Định.

Hãy dạy đệ tử vui thích thực hành như vậy.

Hãy diệt trừ tám thứ ung nhọt, những gì là tám? Đó là những thứ ung nhọt:

1. Về dục.
2. Về sân hận.
3. Về ngu muội.
4. Về kiêu mạn.
5. Về ái.
6. Về si mê.
7. Về lợi dưỡng, ham được cung kính, ham được danh tiếng.
8. Về nghi, nên không hiểu biết.

Hành giả đối với tám thứ ung nhọt này có thể làm cho biến mất, làm cho tiêu diệt, thì liền được giải thoát.

Có mười pháp vô học. Những gì là mười?

1. Vô học trực kiến.
2. Trực tri.
3. Trực thanh.
4. Trực hành.
5. Trực hữu.
6. Trực phương tiện.
7. Trực niệm.
8. Trực định.
9. Trực độ.
10. Trực tuệ.

Do đạt mười pháp vô học này, từ nhân duyên đó liền được chánh tương ứng, liền bỏ năm thứ chánh trực, tương ứng với sáu phần, giữ gìn một pháp, được bốn y chỉ, xả một nẻo thiên chấp, thoát khỏi lỗi lầm của sự tìm cầu, không có tư duy ô trước, đình chỉ thân hành, đình chỉ thinh hành, đình chỉ tâm hành, đình chỉ sự suy tư của ý, tuệ khéo giải thoát tuệ, khéo giải thoát tất cả. Đã làm được như vậy gọi là tối thắng. Nay Hiền giả, đó là tâm -- ý – thức tối hậu của Hiền giả từ xưa đến nay không còn tạo tác, không còn tụ, không còn hội, liền chấm dứt tất cả. Đó là pháp chủ yếu để đoạn trừ khổ đau.

Ở trên đã nói, Hiền giả đã nghe thuyết giảng pháp, phần đầu cũng thiện, phần giữa cũng thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn, đầy đủ phạm hạnh, nói về những điểm cốt yếu của đạo một cách thanh tịnh, gọi là đầy đủ nhân duyên pháp lợi, như trên tôi hứa nói thì đã nói xong.

Hiền giả Xá-lợi-phất thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo đều chí tâm thọ trì, ghi nhớ những lời dạy của Hiền giả.



SỐ 99

KINH TẠP A-HÀM (I)

雜阿含經

Hán dịch: Tống, Tam tạng Câu-na-bạt-dà-la.

Việt dịch: Thích Đức Thắng.

Hiệu đính & Chú thích: TUỆ SỸ.



TẠP A-HÀM QUYỂN 1

KINH 1. VÔ THƯỜNG¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Các ông hãy quán sát sắc là vô thường². Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhảm tỗm³. Khi đã nhảm tỗm thì dứt sạch hỷ tham⁴. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát⁵.

“Cũng vậy, các ông hãy quán sát thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Quán sát như vậy gọi là quán sát chân chánh. Khi đã quán sát chân chánh thì sẽ sanh ra nhảm tỗm. Khi đã nhảm tỗm thì dứt sạch hỷ tham. Sự dứt sạch hỷ tham được gọi là tâm giải thoát.

“Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’.”

“Cũng như quán sát vô thường, quán sát khổ, không, phi ngã cũng vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹. Đại Chánh, quyển 1. Tham chiếu Pāli, S. 22. 12-14. Aniccam.

². Sắc vô thường 色 無 常. Pāli: rūpaṃ aniccaṃ.

³. Hán: yểm ly 嚥 離. Pāli: nibbindati, chán ghét, ghét bỏ.

⁴. Hán: Hỷ tham tận 喜 貪 盡. Pāli: varajjati/ virāga, không còn mê đắm, ly nhiễm, ly tham.

⁵. Pāli: virāgā vimuccati. Vimuttasmim vimuttam iti nāṇaṃ hoti, do ly tham mà được giải thoát. Khi giải thoát, có nhận thức là đã giải thoát.

⁶. Phát biểu của vị đã chứng quả A-la-hán: ngã sanh dī tận, phạm hạnh dī lập, sở tác dī biện, tự tri bất thọ hậu hữu 我 生 已 盡 梵 行 已 立 所 作 已 辨 自 知 不 受 後 有. Pāli: khīṇā jāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karanīyaṃ nāparam itthatayāti pajānāti.

KINH 2. CHÁNH TƯ DUY⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với sắc, các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với sắc mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật sắc là vô thường, thì đối với sắc, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức các ông hãy tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo, đối với thức mà tư duy chân chánh, quán sát và biết một cách như thật... thức là vô thường, thì đối với thức, dục tham được đoạn trừ. Do dục tham được đoạn trừ mà nói là tâm giải thoát.

“Như vậy, Tỳ-kheo, nếu muốn tự chứng tâm giải thoát này thì có thể tự chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong và tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Cũng như tư duy chân chánh về vô thường, khổ, không, phi ngã cũng như vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 3. VÔ TRI (1)⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly

⁷. Tham chiếu, S. 22. 15-17. Yad aniccam.

⁸. Pāli, S. 22. 24. Parijānam.

dục⁹ thì không thể đoạn trừ khổ nã.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, thì không thể đoạn trừ khổ nã.

“Này các Tỳ-kheo, đối với sắc, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ nã.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành và thức, nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì có thể đoạn trừ khổ nã.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 4. VÔ TRI (2)¹⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với sắc không biết, không rõ, không đoạn tận, không ly dục, tâm không giải thoát, thì không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà không biết, không rõ, không đoạn tận, không lìa tham dục¹¹, tâm không giải thoát, thì sẽ không thể nào vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu ly dục, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Này các Tỳ-kheo, người nào nếu biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu người nào nếu

⁹. Hán: bất tri, bất minh, bất đoạn, bất ly dục 不 知 不 明 不 斷 不 離 欲. Pāli: anabhiñānam apariñānam avirājayaṁ appajaham, không thắng trí, không biến tri, không ly tham, không xả trừ.

¹⁰. S. 35. 27. Parijānanā.

¹¹. Ly dục tham, các đoạn trên: ly dục. Pāli: viraja, ly nhiêm. Đồng nghĩa với virāga, ly tham.

biết, nếu rõ, nếu đoạn tận, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 5. VÔ TRI (3)¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ai đối với sắc mà yêu thích¹³, thì đối với khổ cũng yêu thích. Đối với khổ mà yêu thích, thì đối với khổ sẽ không được giải thoát, không rõ, không ly dục.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà yêu thích, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ, thì đối với khổ không được giải thoát.

“Này các Tỳ-kheo, ai đối với sắc không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

“Cũng vậy, ai đối với thọ, tưởng, hành, thức không yêu thích, thì đối với khổ cũng không thích. Ai đối với khổ không thích, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

“Này các Tỳ-kheo, đối với sắc không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát. Ai không giải thoát tâm tham, thì sẽ không thể đoạn trừ được khổ nã.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức ai không biết, không rõ, không ly dục, tâm không giải thoát. Tham tâm không giải thoát, thì sẽ không đoạn trừ được khổ nã.

“Đối với sắc, nếu người nào biết, rõ, lìa tham dục, tâm giải thoát, thì sẽ có thể đoạn trừ được khổ nã.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu biết, rõ, lìa tham

¹². S. 22. 29. Abhinandanam (hoan hỷ) và phần cuối 22.24. Parijānam (biến tri).

¹³. Hán: ái hỷ 愛 喜. Pāli: abhinandati, hoan hỷ, chào mừng, hoan nghinh.

dục, tâm giải thoát, thì có thể đoạn trừ khổ não.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 6. VÔ TRI (4)¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Đối với sắc, không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không biết, không rõ, không lìa tham dục, tâm không giải thoát, thì sẽ không vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.

“Này các Tỳ-kheo, đối với sắc nếu biết, nếu rõ, nếu lìa tham dục, tâm giải thoát, thì có thể vượt qua khỏi sự sợ hãi về sanh, già, bệnh, chết.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 7. HỶ LẠC SẮC¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ai yêu thích sắc, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

“Cũng vậy, ai yêu thích thọ, tưởng, hành và thức, thì cũng yêu thích khổ. Ai yêu thích khổ thì đối với khổ không được giải thoát.

^{14.} S. 35. 27, Parijānanā.

^{15.} S. 22. 29 Abhinandanaṃ.

“Này các Tỳ-kheo, ai không yêu thích sắc, thì sẽ không thích khổ. Ai không yêu thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.

“Cũng vậy, ai không yêu thích thọ, tưởng, hành, thức thì sẽ không thích khổ. Ai không thích khổ, thì đối với khổ sẽ được giải thoát.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kệ tóm tắt:

*Vô thường và khổ không,
Phi ngã, chánh tư duy.
Có bốn kinh vô tri,
Cùng hỷ lạc nơi sắc.*

**
*

KINH 8. QUÁ KHỨ VÔ THƯỜNG¹⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là sắc hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: ‘Không hồi tưởng sắc quá khứ, không tìm cầu sắc vị lai, đối với sắc hiện tại thì nên nhảm惘, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận’.”¹⁷

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai là vô thường huống chi là... thức hiện tại. Thánh đệ tử hãy quán sát như vầy: ‘Không hồi tưởng thức quá khứ, không mong cầu thức vị lai và đối với thức hiện tại thì nên nhảm chán, ly dục, hướng thẳng đến diệt tận.’

“Vô thường, khổ, không, phi ngã cũng lại như vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹⁶. S. 22. 9-11. Atitānāgatapaccuppanna.

¹⁷. Hán: chánh hướng diệt tận 正 向 滅 盡. Pāli: nirodhāya paṭipanno, tu tập hướng đến sự diệt tận (đối với sắc...).

KINH 9. YẾM LY¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta¹⁹. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán²⁰.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhảm tớm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhảm tớm nên không ham muốn²¹, vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh²², biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 10. GIẢI THOÁT²³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

¹⁸. Gần giống kinh số 2 trên, S. 22. 15. Yad aniccam.

¹⁹. Pāli: yad dukkham tad anattā; yad anattā tam netam mama, neso'ham asmi, na meso attā'ti, cái gì khổ cái đó không phải là tự ngã. Cái gì không phải là tự ngã, cái đó không phải là của tôi, cái đó, “nó không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.”

²⁰. Pāli: evam etam yathābhūtam sammappaññāya daṭṭhabbam, điều đó cần được thấy rõ một cách như thật bằng trí tuệ chân chính như vậy.

²¹. Bất lạc 不樂: tức chỗ khác nói là ly dục, hay ly tham. Pāli: virāga.

²². Giải thoát giả chân thật trí sanh 解脫者眞實智生. Pāli: vimuttasmiṃ vimuttam iti नानाम् होऽi, trong sự giải thoát, biết rằng ta đã giải thoát. Xem cht.5 kinh 1 trên.

²³. Gần giống kinh số 2 và số 9. Pāli: S.22. 15 Yad aniccam.

“Sắc là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức là chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Chẳng phải ta tức chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán.

“Thánh đệ tử quán sát như vậy giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành, thức. Ta nói, đó cũng là sự giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 11. NHÂN DUYÊN (I)²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc, chúng cũng vô thường²⁵. Vậy, các sắc được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các thức, chúng cũng vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

“Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Thánh đệ tử quán sát như vậy, nhảm chán sắc, nhảm chán thọ, tưởng, hành, thức. Do nhảm chán nên không thích. Vì không thích nên giải thoát và có tri kiến về giải thoát²⁶, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm

²⁴. S. 22. 18. Hetu (nhân).

²⁵. Pāli: yo pi hetu yo pi paccayo rūpassa uppādāya so pi anicco, cái gì là nhân, cái gì là duyên cho sự sinh khởi của sắc, cái đó cũng vô thường.

²⁶. Giải thoát tri kiến, xem cht.22 kinh 9 trên.

hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 12. NHÂN DUYÊN (2)²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc là vô thường. Nhân và duyên sanh ra các sắc cũng vô thường. Vậy, các sắc được sanh từ nhân và duyên vô thường, làm sao có thể là thường được?

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Vậy, các thức được sanh ra từ nhân và duyên vô thường làm sao có thể là thường được?

“Như vậy, các Tỳ-kheo, sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Cái gì là vô thường thì cái đó là khổ. Cái gì khổ thì chúng chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì không phải là sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ giải thoát khỏi sắc, giải thoát khỏi thọ, tưởng, hành và thức. Ta nói, đó cũng là giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nỗi như vậy.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 13. VỊ (1)²⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

²⁷. Gần giống kinh 11 trên. Pāli, S. 22. 19-20. Hetu.

²⁸. Pāli, S. 22. 28. Assāda.

“Nếu chúng sanh nào không nếm vị ngọt của sắc thì sẽ không nhiễm đắm sắc²⁹. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của sắc cho nên bị đắm trước.

“Cũng vậy, chúng sanh nào không nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức thì chúng sanh ấy không bị đắm nhiễm thức. Vì chúng sanh nếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức cho nên chúng sanh ấy bị nhiễm trước vào thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh không phải là sự tai hại³⁰, thì chúng sanh ấy không nên nhảm chán sắc. Vì sắc là mối hại của chúng sanh cho nên những chúng sanh ấy nhảm chán sắc.

“Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức nếu không phải là mối hại thì chúng sanh ấy không nên nhảm chán thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức là mối hại của chúng sanh, cho nên những chúng sanh ấy nhảm chán thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu sắc đối với chúng sanh mà không có sự xuất ly³¹, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly sắc. Vì sắc đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly sắc.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh không có sự xuất ly, thì những chúng sanh ấy không nên thoát ly thức. Vì thọ, tưởng, hành, thức đối với chúng sanh có sự xuất ly, cho nên những chúng sanh ấy thoát ly thức.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm³² này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự

^{29.} Pāli: no cedam bhikkhave rūpassa assādo abhavissa na yidam sattā rūpasmim sārajjeyyam, nếu (trước đó) đã không tồn tại vị ngọt của sắc, thì các chúng sanh không thể tham đắm nơi sắc.

^{30.} Hán: hoạn 患, Pāli: adinavo, tai họa, sự nguy hiểm.

^{31.} Xuất ly 出離; cũng nói là xuất yếu; Pāli: nissaraṇa, sự thoát ly, thoát ra khỏi chỗ nguy hiểm.

^{32.} Thọ ấm 受陰, cũng nói là thủ uẩn. Pāli: upādānakkanda.

mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác³³.

“Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 14. VI (2)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Trước kia Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của sắc³⁵: Nếu khi cảm giác tùy thuận³⁶ vị ngọt của sắc, thì đối với vị ngọt của sắc Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận thọ, tưởng, hành, thức, thì đối với vị ngọt của thức Ta dùng trí tuệ thấy rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của sắc, thì đối với sự tai hại của sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm kiếm sự tai hại của thọ, tưởng,

³³. Pāli: (....) sattā sadevakā lokā samārakā sabrahmakā sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya nissaṭā visamyuttā vippamuttā vimariyādikatena cetasā viharanti, (do biết rõ nên) các chúng sanh ấy, đối với thế giới này bao gồm Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng với trời và người, mà được thoát ly, tách ra khỏi, tự tại, an trú với tâm không bị câu thúc.

³⁴. Gần giống kinh 13 trên. Pāli, S. 22. 26-27. Assāda.

³⁵. Ư sắc vị hữu cầu hữu hành 於 色 味 有 求 有 行. Pāli: rūpassa assāda-pariyesanām acarim, Ta đã đi để tìm cầu vị ngọt của sắc.

³⁶. Tùy thuận giác 隨 順 覺. Pāli: yad rūpassa assādo tad ajjhagamam, Ta (đã) tiếp cận vị của sắc.

hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự tai hại của thức, thì đối với sự tai hại của thức Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly sắc. Nếu khi cảm giác tùy thuận sắc, thì đối với sự xuất ly sắc Ta dùng trí tuệ để thấy rõ như thật.

“Cũng vậy, Ta đã từng đi tìm cầu sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức. Nếu khi cảm giác tùy thuận sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức thì đối với sự xuất ly thọ, tưởng, hành, thức Ta dùng trí tuệ để biết rõ như thật.

“Này các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với năm thọ ấm này mà không biết một cách như thật vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, thì Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã không thể tự chứng, không được thoát, không vượt ra, không xa lìa, vĩnh viễn an trú trong sự điên đảo, cũng không thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

“Này các Tỳ-kheo, vì Ta đã biết năm thọ ấm này một cách như thật rằng vị ngọt là vị ngọt, tai hại là tai hại, xuất ly là xuất ly, nên Ta ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các chúng trời, người đã có thể tự chứng, đã thoát, đã vượt ra, đã xa lìa, vĩnh viễn không an trú trong sự điên đảo, cũng có thể tự mình chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kê tóm tắt:

*Quá khứ nói bốn kinh
Yểm ly và giải thoát
Nói hai kinh nhân duyên
Vị ngọt cũng hai kinh.*

**

KINH 15. SƯ³⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

³⁷. Pāli, S. 22. 36. Bhikkhu; tham chiếu S. 22. 63-65. Upādiyāmano.

vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nô³⁸ đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ vắng³⁹, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình⁴⁰, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm⁴¹ cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Tỳ-kheo, nếu để sai sứ theo sứ, tức là chết theo sứ⁴². Nếu

³⁸. Hán: dì Tỳ-kheo 異比丘. Pāli: aññatara.

³⁹. Độc nhất tĩnh xứ 獨一靜處. Pāli: eko vūpakaṭṭha, cô độc, cách biệt người đời.

⁴⁰. Tín gia phi gia xuất gia 信家非家出家. Pāli: agārasmā anagārayam pabbajjati, từ bỏ gia đình, ra đi sống không gia đình.

⁴¹. Hiện pháp tác chứng 現法作證. Pāli: diṭṭhe va dhamme sayam abhiññā sacchikitvā, ngay trong đời nay, bằng thẳng trí, tự mình thể nghiệm.

⁴². Nhược tùy sứ sứ giả tức tùy sứ từ 若隨使使者即隨使死. Hán dịch tối nghĩa. Có lẽ Pāli: yaṃ kho bhikkhu anuseti tam anumiyati, nó thiên chấp theo cái gì thì nó suy lường theo cái đó. Pāli: anuseti, nghĩa đen: nằm theo, tiêm phục, tùy miên; danh từ phát sanh là anusaya: tùy miên, chỉ phiền não tiêm phục (tùy tùng miên phục). Bản Hán hiểu anseti là do động từ sevatī: phục vụ, nên dịch là tùy sứ hay sai sứ. Pāli: anumiyati (suy lường), do gốc động từ mā: do lường; nhưng bản Hán hiểu là do động từ miyyati: chết, nên dịch là tùy tử (chết theo).

chết theo sử là bị thủ trói buộc⁴³. Nếu Tỳ-kheo không bị sai sử theo sử, thì sẽ không chết theo sử. Không chết theo sử, tức là giải thoát đối với thủ.”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối trong pháp yếu mà Ta đã lược nói, nếu người hiểu rộng nghĩa của nó thì phải như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử⁴⁴. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Như vậy, trong pháp yếu được Thế Tôn nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo! Trong pháp yếu được Ta nói tóm tắt, ý nghĩa được diễn rộng như vậy.

“Vì sao?

“Sắc sai sử theo sử, sắc chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử, thì chết theo sử. Sai sử theo sử mà chết theo sử thì bị thủ trói buộc.

“Này Tỳ-kheo, nếu sắc không sai sử theo sử, thì sắc không chết

⁴³. Tùy sử tử giả tắc vi thủ sở phược 隨使死者則爲取所縛. Pāli, yam anumiyati tena samkham gacchat, nó suy lường theo cái gì, nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.46 kinh 16 dưới.

⁴⁴. Pāli: rūpam... anuseti tam anumiyati, nó thiên chấp sắc, nó suy lường theo sắc.

theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.

“Cũng vậy, nếu thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử, thì không chết theo sử. Không sai sử theo sử mà không chết theo sử thì đối với thủ được giải thoát.”

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật dạy xong tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui. Vị kia ở một mình nơi chỗ vắng tinh cần tu tập, sống không buông lung. Sau khi tinh cần tu tập sống không buông lung rồi, vị kia tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, ... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành A-la-hán, tâm được giải thoát.

**
*

KINH 16. TĂNG CHƯ SỐ⁴⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vé. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật thưa hỏi những việc như trên, nhưng có những sự sai biệt như sau:

“Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số⁴⁶. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với những pháp mà Ta đã nói tóm tắt, người hiểu rộng nghĩa của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

⁴⁵. S. 22. 35. Bhikkhu.

⁴⁶. Tăng chư số 增 諸 數 : không rõ nghĩa. Pāli: saṃkham gacchatī, nghĩa đen: đi đến chỗ tính toán; nghĩa bóng: được định danh, hay được định nghĩa. Tham chiếu S. 22. 35: yam anuseti tena saṃkham gacchatī: nó thiên chấp cái gì thì nó được định danh theo cái đó. Xem thêm cht.43 kinh 15 trên.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức sai sử theo sử thì chết theo sử. Cái gì sai sử theo sử mà chết theo sử, thì cái đó tăng các số.

“Bạch Thế Tôn, nếu sắc không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không sai sử theo sử thì không chết theo sử. Nếu không sai sử theo sử mà chết theo sử, thì không tăng các số.

“Bạch Đức Thế Tôn, trong những pháp đã được nói tóm tắt, con đã hiểu nghĩa rộng của nó như vậy.”

Như trên và cho đến ... ‘đạt được A-la-hán, tâm được giải thoát’.

**
*

KINH 17. PHI NGÃ⁴⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, chắp tay bạch Đức Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Người đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

^{47.} S. 22. 68. Anattā, 69. Anattaniya.

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lắng nghe, lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này Tỳ-kheo, pháp nào không thích ứng⁴⁸ đối với ngươi thì nên nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài⁴⁹. ”

Tỳ-kheo kia bạch Phật rằng:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn! Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ!”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với những pháp đã được nói tóm tắt, ngươi hiểu rộng ý như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với con, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài. Cho nên, bạch Thế Tôn, đối với pháp mà Thế Tôn đã nói tóm tắt con đã hiểu rộng nghĩa của nó như vậy.”

Đức Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đối với những pháp đã được nói tóm tắt của Ta, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là thích ứng đối với ông, nên cần phải nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp này để được lợi, được ích, được an vui lâu dài.”

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung. Sau khi siêng năng tu tập, sống không buông lung, thầy tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo

⁴⁸. Phi sở ưng pháp 非 所 應 法. Có lẽ Pāli: na-tumhākam, không phải của các ông. Xem cht.52 kinh 18 dưới.

⁴⁹. Pāli: tam vo pahīnaṃ hitāya sukhāya bhavissati, đoạn trừ pháp ấy sẽ dẫn đến lợi ích và an lạc.

bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

**
*

KINH 18. PHI BÌ⁵⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, lê Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ vì để ngay trong đời này chứng nghiệm cứu cánh phạm hạnh vô thượng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

^{50.} S.22. 33-34. Na-tumhākaṇ (không phải của các ông, so sánh dẫn Pāli cht.52 dưới).

“Nếu có pháp nào chẳng phải là thích ứng của các ông và cũng chẳng phải là thích ứng của người khác, thì hãy nhanh chóng đoạn trừ pháp ấy⁵¹. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, sắc chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con⁵², cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là con, chẳng phải là thích ứng của con, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp mà Như Lai đã nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó như vậy.”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu nghĩa rộng của nó. Vì sao? Ngày Tỳ-kheo, sắc chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải là ta, chẳng phải là thích ứng của ta, cũng chẳng phải là thích ứng của người khác. Pháp này cần nhanh chóng đoạn trừ. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất

^{51.} Pāli: *yam bhikkhave na-tumhākam, tam pajahatha*, này các Tỳ-kheo, cái gì không phải là của các ông, hãy loại bỏ cái ấy.

^{52.} Pāli: *na hi no etam bhante attā vā attaniyam*, bạch Thế Tôn, cái đó không phải là tự ngã của con, cũng không phải là sở thuộc của tự ngã của con.

vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

**

KINH 19. KẾT HỆ⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, lê Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

"Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cao bở râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

"Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: 'Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.' Ông đã nói như vậy phải chăng?"

Tỳ-kheo bạch Phật:

"Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!"

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

"Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

"Tỳ-kheo, pháp bị trói buộc bởi kết sử, hãy nhanh chóng đoạn trừ⁵⁴. Đoạn trừ pháp ấy để được lợi, được ích, được an lạc lâu dài."

Tỳ-kheo kia, bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu."

⁵³. S. 22. 70. Rajanīyasañṭhitām (sự cấu thành, hay tồn tại, bị ô nhiễm).

⁵⁴. Pāli: yam kho bhikkhu rajanīyasañṭhitām tatra te chando pahātabbo, Tỳ-kheo, cái gì là môi trường cho sự ô nhiễm, nơi cái ấy người phải đoạn trừ sự ham muốn.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Đức Thế Tôn, sắc là pháp bị kết sử trói buộc⁵⁵. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc. Pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Vì sắc là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ rồi, sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức là pháp bị kết sử trói buộc, pháp bị kết sử trói buộc này, nên nhanh chóng đoạn trừ. Khi pháp kia đã được đoạn trừ rồi, thì sẽ được lợi, được ích, được an lạc lâu dài.”

Sau khi vị Tỳ-kheo kia nghe những lời dạy của Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui; một mình ở chỗ vắng, siêng năng tu tập, sống không buông lung, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia thành bậc A-la-hán, tâm được giải thoát.

KINH 20. THÂM KINH

Thâm kinh cũng nói như vậy⁵⁶.

⁵⁵. Pāli: rūpam kho rājaniyasāññhitam, sắc là môi trường để bị tham nhiễm.

⁵⁶. Nguyên văn trong bản Hán; theo đó, còn một kinh tên là “Thâm kinh” với nội dung hoàn toàn như kinh trên.

KINH 21. ĐỘNG DAO⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, lắc Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Lành thay, Thế Tôn! Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung. Khi tu tập không buông lung con sẽ tư duy về lý do mà một thiện nam tử xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, có lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo kia:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, đã khéo nói những lời này: ‘Nay xin vì con mà nói vấn tắt pháp yếu. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình nơi chỗ vắng, tu tập không buông lung... cho đến, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ông đã nói như vậy phải chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Ông hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, khéo léo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Tỳ-kheo, người nào dao động thì sẽ bị ma trói. Nếu người nào không động thì sẽ giải thoát khỏi Ba-tuần⁵⁸. ”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Con đã hiểu, bạch Thế Tôn. Con đã hiểu, bạch Thiện Thệ.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông hiểu nghĩa rộng của nó như thế nào?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, khi bị sắc làm dao động⁵⁹ thì bị ma trói buộc.

⁵⁷. S. 22. 63. Upādiyamāna; S.22. 64. Maññamāna.

⁵⁸. Pāli: upādiyamāno baddho mārassa anupādiyamāno mutto pāpimāto, khi chấp thủ thì bị ma trói chặt. Khi không chấp thủ thì thoát khỏi Ba-tuần (Ác ma).

⁵⁹. Pāli: rūpaṃ upādiyamāno, khi chấp thủ sắc.

Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi thọ, tưởng, hành, thức làm dao động thì bị ma trói buộc. Nếu không dao động thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cho nên đối với những pháp đã được Đức Thế Tôn nói tóm tắt, con đã hiểu được nghĩa rộng của nó.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Đối với những pháp đã được Ta nói tóm tắt, ông đã hiểu được nghĩa rộng của nó. Vì sao? Khi bị sắc làm dao động, thì bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần. Cũng vậy khi bị thọ, tưởng, hành, thức làm dao động, thì sẽ bị ma trói buộc. Nếu không động, thì giải thoát khỏi Ba-tuần”... cho đến: ‘... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tâm được giải thoát, thành bậc A-la-hán.

**
*

KINH 22. KIẾP-BA SỞ VẤN⁶⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Kiếp-ba⁶¹, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như lời Đức Thế Tôn đã dạy, ‘Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát.’ Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo được giải thoát?”

Bấy giờ, Thế Tôn nói với Kiếp-ba rằng:

“Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai về tâm khéo giải thoát. Lành thay, Kiếp-ba! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói.

“Này Kiếp-ba, hãy quán sát biết rõ những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì sắc ái liền được trừ. Khi sắc ái đã được trừ rồi, thì tâm khéo giải thoát. Cũng

⁶⁰. S. 22. 124-125. Kappo.

⁶¹. Kiếp-ba 剋波. Pāli: Kappo.

⁶². Câu hỏi của Kappa trong bản Pāli giống như của Rāhula, xem cht.64 kinh tiếp theo.

vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều vô thường. Khi đã quán sát chân chính về vô thường rồi, thì thức ái liền được trừ. Khi thức ái đã được trừ rồi, thì Ta nói là tâm khéo giải thoát.

“Này Kiếp-ba, Tỳ-kheo có tâm khéo giải thoát như vậy, Như Lai nói là tâm khéo giải thoát. Vì sao? Vì ái dục đã được đoạn trừ. Người nào ái dục đã được đoạn trừ, thì Như Lai gọi người đó là tâm khéo giải thoát.”

Sau khi Tỳ-kheo Kiếp-ba nghe những lời dạy của Đức Phật, tâm rất vui mừng, lạy Phật rồi lui.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Kiếp-ba, sau khi nhận lãnh những lời Phật dạy rồi, một mình ở chỗ vắng chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung... cho đến ‘... tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Tâm khéo giải thoát, thành bậc A-la-hán.

**
*

KINH 23. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (I)⁶³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú trong rừng trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn⁶⁴? ”

Đức Phật dạy La-hầu-la:

“Lành thay! Lành thay! Phải chăng ngươi hỏi Như Lai rằng, ‘biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của con cùng tất cả

⁶³. S. 22. 91. Rāhulo.

⁶⁴. Pāli: katham nu kho bhante jānato katham passato imasmī ca saviññāṇake kāye bahiddhā ca sabbanimittesu ahaṅkāramamaṇikāramānānusayaḥ na honti, bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như nào mà trong thân có thức này cùng với các tướng bên ngoài không tồn tại các tùy miên tác thành ngã, ngã sở và ngã mạn?

những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn’?”

La-hầu-la bạch Phật rằng:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn.”

Phật dạy La-hầu-la:

“Lành thay! Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này La-hầu-la, hãy quán sát, những gì thuộc về các sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau⁶⁵; nên bằng tuệ bình đẳng⁶⁶ mà quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc xấu, hoặc tốt; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó đều chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên bằng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

“Như vậy, này La-hầu-la, Tỳ-kheo nên biết như vậy, thấy như vậy. Người nào biết như vậy, thấy như vậy, thì đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo nếu như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, thì Tỳ-kheo đó được gọi là người đoạn ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán⁶⁷ đạt đến biên tế của khổ.”

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*

⁶⁵. Phi ngã, bất dị ngã, bất tương tại 非 我 不 異 我 不 相 在. Pāli: n'etam mama n'eso' ham asmi na m' eso attā, cái này không phải của tôi, không phải là tôi; nó không phải là tự ngã của tôi.

⁶⁶. Bình đẳng tuệ 平 等 慧. Pāli: sammappañāya, bằng chánh trí, hay nhận thức chánh chánh.

⁶⁷. Hán: chánh vô gián đẳng 正 無 間 等; nghĩa đen: hoàn toàn không bị trở ngại. Trong các kinh khác, nhóm từ này tương đương Pāli: abhisamaya: hiện quán, chỉ sự quán chiếu và chứng ngộ bốn Thánh đế; xem thêm cht.18 kinh 105.

KINH 24. LA-HẦU-LA SỞ VẤN (2)⁶⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở vườn Trúc, khu Ca-lan-dà trong thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo La-hầu-la:

“Tỳ-kheo biết như thế nào, thấy như thế nào để cho thân thức này của ta cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có các kết sử trói buộc là ngã, ngã sở kiến, ngã mạn?”

La-hầu-la bạch Phật rằng:

“Thế Tôn là chủ các pháp, là vị dẫn đường, là người che chở. Lành thay, Thế Tôn! Hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn nói nghĩa này. Các Tỳ-kheo, sau khi đã được nghe những lời Phật dạy, sẽ hoan hỷ phụng hành.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Hãy lắng nghe, lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.”

La-hầu-la bạch Phật:

“Thưa vâng, con xin vâng lời.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Hãy quán sát những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy. Cũng vậy thọ, tưởng, hành và thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ đó chẳng phải ngã, không khác ngã, không ở trong nhau; nên dùng tuệ bình đẳng quán sát như thật như vậy.

“Tỳ-kheo biết như vậy, phải thấy như vậy, đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn.

“Này La-hầu-la, Tỳ-kheo như vậy đối với thức thân này cùng tất cả những tướng trạng thuộc cảnh giới bên ngoài không có kết sử trói

^{68.} Pāli, S.22. 92. Rāhulo.

buộc là ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn, sẽ siêu việt nghi tâm, xa lìa các tướng, tịch tịnh giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo đoạn trừ ái dục, chuyển đi các kết sử, chân chánh hiện quán, đạt đến chỗ tận cùng của mê khổ một cách chân chính.”

La-hầu-la sau khi nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Kè tóm tắt:

*Sử, tăng chư số,
Phi ngã, phi bỉ,
Kết phược, dao động,
Kiếp-ba sở vấn,
Cùng La-hầu-la,
Hai kinh sở vấn.*

**
*

KINH 25. ĐA VĂN⁶⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vé. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đi đến chỗ Phật, làm lễ Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như Thế Tôn nói ‘Đa văn’. Vậy thế nào là đa văn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn hỏi Ta về nghĩa của đa văn phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật rằng:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Tỳ-kheo, nên biết, nếu nghe pháp mà đối với sắc phát sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh⁷⁰, thì đó gọi là đa văn. Cũng vậy nếu nghe pháp mà đối với thọ, tưởng, hành, thức phát sanh yểm ly, ly dục, diệt

⁶⁹. Không thấy Pāli tương đương.

⁷⁰. Xem cht.73 kinh 26 dưới.

tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là đa văn. Này Tỳ-kheo, đó gọi là đa văn mà Như Lai nói."

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

**
*

KINH 26. THIỆN THUYẾT PHÁP⁷¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như Thế Tôn nói ‘Pháp sư.’ Vậy thế nào gọi là Pháp sư⁷²? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết những gì mà Như Lai đã nói về nghĩa Pháp sư phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh⁷³, thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

**

⁷¹. Pāli, S. 22. 115-116. Kathika.

⁷². Pháp sư 法師. Pāli: dhammadhātiko.

⁷³. Pāli: rūpassa ce bhikkhu nibbidāya virāgāya nirodhāya dhammam deseti, nếu vi
ấy nói pháp dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

KINH 27. HƯỚNG PHÁP⁷⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lẽ, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như Đức Thế Tôn nói ‘Pháp thứ pháp hướng’⁷⁵. Vậy thế nào là Pháp thứ pháp hướng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nay ngươi muốn biết Pháp thứ pháp hướng phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Này Tỳ-kheo, đối với sắc mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì gọi đó là Pháp thứ pháp hướng⁷⁶. Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức mà hướng đến yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Pháp thứ pháp hướng.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

**
*

⁷⁴. Pāli, S. 22. 39-41. Anudhamma.

⁷⁵. Pháp thứ pháp hướng 法次法向, hướng đến pháp và thứ pháp, hay tu tập hướng theo tính tuần tự của pháp; cũng nói là pháp tùy pháp hành. Pāli: dhammadhāna-paṭipanno, thực hành pháp và tùy pháp; thực hành tùy thuận theo pháp. Tập Dị Môn Luận 6: “Thế nào là pháp tùy pháp hành? Sự xuất ly được dẫn sinh bởi như lý tác ý, các pháp thiện thù thắng được phát sanh bởi viễn ly, tu tập vững chắc, tinh cần không gián đoạn; như vậy gọi là pháp tùy pháp hành.”

⁷⁶. Pāli: rūpassa ce... nibbidaṇya virāgāya nirodhāya paṭipanno hoti, là sự thực hành dẫn đến sự yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc.

KINH 28. NIẾT-BÀN⁷⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khác, đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn nói ‘chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại’⁷⁸. Vậy, thế nào là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Nay người muốn biết về sự ‘chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại’ phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại⁷⁹. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, thì đó gọi là Tỳ-kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những lời Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

**
*

⁷⁷. Pāli, tham chiếu các kinh S.. 22. 155-116 Kathika, 33. 154. Kathika.

⁷⁸. Đắc kiến (hiện) pháp Niết-bàn 得 見 法 涅槃. Xem cht.dưới.

⁷⁹. Pāli: rūpassa ce nibbidā virāgā nirodhā anupādā vimutto hoti, ditthadhamme nibbānapatto, do yểm ly, ly tham, diệt tận đối với sắc mà giải thoát không chấp thủ, đó là chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.

KINH 29. TAM-MẬT-LY-ĐỀ VĂN THUYẾT PHÁP SƯ⁸⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Tam-mật-ly-đề đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng:

“Như Thế Tôn nói ‘Thuyết pháp sư.’ Vậy, thế nào gọi là Thuyết pháp sư?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay ngươi muốn biết về nghĩa Thuyết pháp sư phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, bạch Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ngươi mà nói.

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sắc mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói yểm ly, ly dục, diệt tận, thì đó gọi là Thuyết pháp sư.”

Tỳ-kheo kia sau khi nghe những gì Phật dạy, phấn khởi vui mừng, lạy Phật mà lui.

Kê tóm tắt:

Đa văn, thiện thuyết pháp,

Hướng pháp và Niết-bàn.

Tam-mật-ly-đề hỏi:

Thế nào, Thuyết pháp sư?

**

KINH 30. THÂU-LŨ-NA (1)⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

⁸⁰. Pāli, tham chiếu S. 22. 115. Kathika.

⁸¹. Pāli, S. 22. 49. Soṇa.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na⁸², hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, nói với Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, biến dịch, không an ổn mà nói rằng, ‘Ta hơn, ta bằng, ta kém.’ Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật? Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói là: ‘Ta hơn, ta bằng, ta kém.’ Tại sao số Sa-môn, Bà-la-môn này lại có ý tưởng như vậy, mà không thấy cái chân thật?”

“Có một số Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc vốn vô thường, không an ổn, biến dịch mà nói rằng, ‘Ta hơn, ta bằng, ta kém.’ Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành, thức vốn vô thường, biến dịch, không an ổn, mà nói rằng, ‘Ta hơn, ta bằng, ta kém.’ Vậy, do quan điểm gì mà họ không thấy cái chân thật? Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

“Này Thâu-lũ-na, nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?”

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lũ-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Ý ông thế nào? Là Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

“Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?”

^{82.} Thâu-lũ-na 輸 麗 那. Pāli: Soṇo gahapatiputto.

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lū-na, thức nếu là vô thường là khổ, thì chúng là pháp biến dịch. Ý ông thế nào, Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy rằng thức là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lū-na, nên biết rằng; sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc ấy đều không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lū-na, cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những thứ ấy không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lū-na, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, Thâu-lū-na, con trưởng giả, xa lìa được trần cấu, được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, Thâu-lū-na, con trưởng giả, thấy pháp, chứng đắc pháp, không do từ ai khác, ở trong chánh pháp được vô sở úy, từ nơi chỗ ngồi đứng dậy, trích áo vai bên phải, quỳ gối chấp tay, bạch Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

“Nay, con đã được độ. Từ hôm nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm Uu-bà-tắc. Từ hôm nay cho đến suốt đời con luôn thanh tịnh quy y Tam bảo.”

Khi Thâu-lū-na con trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

KINH 31. THÂU-LŨ-NA (2)⁸³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật sự tập khởi của sắc, không biết như thật sự diệt tận của sắc, không biết như thật con đường đưa đến sự diệt tận của sắc⁸⁴; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này không đủ khả năng để đoạn trừ sắc. Cũng vậy, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức; không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng, thì họ không đủ khả năng đoạn trừ chúng.

“Này Thâu-lũ-na, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ sắc. Cũng vậy, này Thâu-lũ-na nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về với thọ, tưởng, hành và thức, biết như thật về sự tập khởi của chúng, biết như thật về sự diệt tận của chúng, biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của chúng; Thâu-lũ-na, nên biết rằng Sa-môn, Bà-la-môn này đủ khả năng đoạn trừ chúng.

“Này Thâu-lũ-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

⁸³. Tham chiếu kinh 30 trên.

⁸⁴. Hán: sắc diệt đạo tích 色滅道跡. Pāli: rūpa-nirodhagāminim-paṭipadām, sự thực hành dẫn đến diệt tận của sắc.

Lại hỏi:

“Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?”

Đáp:

“Là khổ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

“Nếu sắc là vô thường, là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

Lại hỏi:

“Nếu là vô thường, thì có phải là khổ không?”

Đáp:

“Là khổ.”

Lại hỏi:

“Nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử có nên ở trong đó thấy chúng là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lũ-na, nên biết sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; đối với tất cả sắc không là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với sắc nên sanh tâm yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ nǎo.

“Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lũ-na, Thánh đệ tử đối với chúng nên sanh tâm

yểm ly, ly dục, giải thoát, giải thoát sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ nã o."

Khi Thâu-lũ-na đã nghe những gì từ Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.

**
*

KINH 32. THÂU-LŨ-NA (3)⁸⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy có con của một trưởng giả tên là Thâu-lũ-na, hằng ngày du hành đến núi Kỳ-xà-quật và ghé chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, sau khi chào đón thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Thâu-lũ-na:

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sắc, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật về vị ngọt của sắc, không biết như thật về sự tai hại của sắc, không biết như thật về sự xuất ly của sắc, thì sẽ không đủ khả năng để siêu việt sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà không biết như thật về sự thọ, tưởng, hành và thức; không biết như thật về sự tập khởi của chúng, không biết như thật về sự diệt tận của chúng, không biết như thật về vị ngọt của chúng, không biết như thật về sự tai hại của chúng, không biết như thật về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-môn này sẽ không đủ khả năng để siêu việt chúng.

“Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về sắc, về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc, thì Sa-môn, Bà-la-môn này có đủ khả năng vượt qua khởi sắc. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà biết như thật về thọ, tưởng, hành và thức, về sự tập khởi của chúng, về sự diệt tận của chúng, về vị ngọt của chúng, về sự tai hại của chúng, về sự xuất ly của chúng, thì Sa-môn, Bà-la-

^{85.} Tham chiếu kinh 30, 31 trên.

môn này có đủ khả năng siêu việt khỏi chúng.

“Này Thâu-lū-na, ý ông thế nào? Sắc là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

“Vậy vô thường là khổ phải không?”

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lū-na, nếu sắc vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lū-na, ý ông thế nào? Như vậy thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?”

Đáp:

“Là vô thường.”

“Vậy vô thường là khổ phải không?”

Đáp:

“Là khổ.”

“Này Thâu-lū-na, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Thánh đệ tử ở trong đó có nên cho là có ngã, khác ngã, ở trong nhau không?”

Đáp:

“Không.”

“Này Thâu-lū-na, nên biết rằng đối với sắc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả những sắc này không phải là ngã, không phải khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lū-na, cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Đó gọi là biết như thật.

“Này Thâu-lū-na, là Thánh đệ tử đối với năm thọ ấy này phải quán chân chánh là chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Quán sát chân chánh như vậy đối với thế gian không có gì để nghiệp thọ. Khi không có gì để nghiệp thọ, thì sẽ không có gì để chấp trước. Khi đã không có gì để chấp trước, thì sẽ tự đạt được Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.’

Khi Thâu-lū-na con của một trưởng giả đã được nghe những gì Tôn giả Xá-lợi-phất dạy rồi, phấn khởi vui mừng, làm lễ mà lui.



TẠP A-HÀM QUYỂN 2

KINH 33. PHI NGĀ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Sắc không phải là ngā. Nếu sắc là ngā, không nên ở nơi sắc mà bệnh, khổ sanh và cũng không thể có ước muốn khiến như vậy hay không như vậy đối với sắc. Vì sắc là vô ngā cho nên ở nơi sắc có bệnh, khổ sanh và nó cũng có ước muốn khiến như vậy, hay không như vậy đối với sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là vô thường, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, nếu là vô thường, thì có phải là khổ?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ, bạch Thế Tôn.”

“Vậy, nếu vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có nên thấy là có ngā, khác ngā, hay ở trong nhau²?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không nên, bạch Thế Tôn.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng không phải là ngā, không phải khác ngā, hay không ở trong nhau. Hãy quán sát như vậy. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử, đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật chúng là chẳng phải ngā, chẳng phải ngā sở. Khi

¹. Bản Phật Quang quyển 4, kinh 79. Quốc Dịch quyển 3, phẩm 7. Đại Chánh, quyển 2. Pāli, S. 22. 59. Pañca.

². Bản Pāli: etam mama eo'ham asmi eso attā ti, cái này là của tôi; cái này là tôi; cái này là tự ngā của tôi.

quán sát như thật rồi, thì đối với thế gian không có gì phải chấp thủ. Vì đã không có gì để chấp thủ, nên cũng không có gì để đắm trước. Vì đã không có gì để đắm trước, nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 34. NGŨ TỲ-KHEO³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

“Sắc không có ngã⁴. Nếu sắc mà có ngã, thì bệnh, khổ không thể sanh nơi sắc được, cũng không thể có ước muốn khiến cho như vậy hay không như vậy đối với sắc được. Vì sắc là vô ngã, cho nên nơi sắc bệnh, khổ sanh và cũng có thể có ước muốn khiến cho như vậy hay không như vậy được. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Tỳ-kheo, ý ngươi thế nào, sắc là thường hay vô thường?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là vô thường, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, vô thường là khổ chăng?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Là khổ, bạch Thế Tôn.”

“Tỳ-kheo, vô thường là khổ, thì nó là pháp biến dịch. Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc có nên thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không nên, bạch Thế Tôn.”

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

^{3.} Pāli, S. 22. 59. Pañca.

^{4.} Sắc phi hữu ngã 色 非 有 我. Pāli: rūpam bhikkhave anattā.

“Cho nên, Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quã khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; hãy quán sát như thật tất cả chúng chẳng phải là ngã, chẳng phải là ngã sở. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử đối với năm thọ ấm này, hãy quán sát như thật, thấy chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Quán sát như vậy, đối với thế gian đều không có gì để thủ. Vì không có gì để thủ, nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước, cho nên tự giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 35. TAM CHÁNH SĨ ⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trú tịnh xá Trúc viên, tại Chi-đề.

Bấy giờ có ba vị Chánh sĩ⁶ mới xuất gia. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-dà⁷, Tôn giả Nan-đề⁸, Tôn giả Kim-tỳ-la⁹.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết trong tâm họ đang nghĩ những gì, nên răn dạy họ rằng:

“Tỳ-kheo, đây là tâm, đây là ý, đây là thức. Hãy tư duy điều này. Chớ tư duy điều này. Hãy đoạn trừ dục này, đoạn trừ sắc này, tự thân tác chứng, thành tựu và an trụ.

“Tỳ-kheo, có sắc nào là thường cõn, không biến dịch, tồn tại mãi không?”

⁵. Không có Pāli tương đương.

⁶. Đây chỉ ba công tử họ Thích.

⁷. A-nậu-luật-dà 阿 奮 律 陀. Pāli: Anuruddha.

⁸. Nan-đề 難 提. Pāli: Nandiya.

⁹. Kim-tỳ-la 金 毗 羅. Pāli: Kimbila.

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch không, Thế Tôn.”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yểm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xí nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thấy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Khi Đức Phật nói kinh này, ba vị Chánh sĩ lậu hoặc không còn khởi lên nữa, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 36. THẬP LỤC TỲ-KHEO¹⁰

Tôi nghe như vầy:

Khi Đức Phật ở trong vườn xoài Tân cái, bên bờ sông Bạt-đề, nước Ma-thâu-la¹¹.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy an trú nơi hòn đảo chính mình¹², an trú nơi nương tựa chính mình¹³, an trú nơi hòn đảo pháp¹⁴, an trú nơi nương tựa pháp¹⁵, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nương tựa nơi nào khác.

“Tỳ-kheo hãy quán sát chân chánh, an trú nơi hòn đảo chính mình, an trú nơi nương tựa chính mình, an trú nơi hòn đảo pháp, an trú

¹⁰. Pāli, S. 22. 43. Attapīpa.

¹¹. Ma-thâu-la 摩偷羅; Pāli: Mathurā. Bản Pāli, Sāvatthinidānam, nhân duyên ở Xá-vệ.

¹². Hán: tự châu 自州. Pāli: attadīpa.

¹³. Hán: tự y 自依. Pāli: attasaranā.

¹⁴. Hán: Pháp châu 法州. Pāli, dhammadīpa, pháp là hòn đảo.

¹⁵. Hán: pháp y 法依. Pāli, dhammasaranā, pháp là nơi nương tựa.

nơi nương tựa pháp, chứ đừng an trú nơi hòn đảo nào khác, hay nơi nương tựa nào khác.

“Do nhân gì mà ưu, bi, khổ, não sanh? Tại sao có bốn? Do bởi đâu bị cái gì trói buộc¹⁶? Làm sao tự quán sát, ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh; ưu, bi, khổ, não đã sanh nay lại tăng trưởng rộng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà nói, sau khi chúng con nghe xong, sẽ y như những lời dạy mà làm theo.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, có sắc, nhân sắc mà trói buộc vào sắc; tự quán sát ưu, bi, khổ, não chưa sanh nay sanh, đã sanh rồi nay lại tăng trưởng rộng. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

“Tỳ-kheo, có sắc nào là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi không?”

Đáp:

“Bạch không, Thế Tôn.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu thiện nam tử biết sắc là vô thường, khổ, biến dịch, dục, diệt tận, tịch tĩnh; từ xưa tới nay tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch; biết rồi, nếu sắc là nhân duyên sanh ra ưu, bi, khổ, não, thì nên đoạn trừ chúng. Khi đã đoạn trừ rồi, thì không còn gì để chấp trước. Vì không chấp trước nên sống an vui. Khi đã sống an vui rồi, thì đó gọi là Niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành và thức lại cũng như vậy.”

Khi Đức Phật nói kinh này, thì mười sáu Tỳ-kheo không sanh các lậu, tâm đạt được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

^{16.} Pāli: kiṃjātikā... kiṃpahotikā, do cái gì chúng sinh? Do cái gì chúng hiện?

Kệ tóm tắt:

*Trúc viên, Tỳ-xá-ly,
Thanh tịnh, chánh quán sát,
Vô thường, khổ, phi ngã,
Năm, ba và mười sáu.*

**
*

KINH 37. NGĀ¹⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Ta không tranh luận với thế gian. Thế gian tranh luận với Ta. Vì sao vậy? Tỳ-kheo, nếu người nào nói đúng pháp, thì người ấy không tranh luận với thế gian.

“Những gì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Thế nào là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có? Tỳ-kheo, sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch; người trí thế gian nói có, thì Ta cũng nói có.

“Những gì người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không. Thế nào là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không? Tỳ-kheo, sắc thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi, là điều người trí thế gian nói là không, thì Ta cũng nói là không. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không biến dịch, tồn tại mãi mãi; là điều người trí nói không, thì Ta cũng nói không. Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

“Tỳ-kheo, có những pháp thế gian, ở trong thế gian¹⁸, Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người mà phân biệt, giảng nói, hiển thị, nhưng những kẻ mù không có mắt trong thế gian đã không biết,

¹⁷. Quốc Dịch, phẩm 8, quyển 3. Pāli, S. 22. 94 Puppha (*bông hoa*), hay Vaddha (*tăng trưởng*).

¹⁸. Thế gian thế gian pháp 世間世間法. Pāli: loka lokadhamma, pháp thế gian trong thế gian.

không thấy, đó không phải là lỗi của Ta.

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

“Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 38. TY HẠ¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Người đời làm nghề thấp hèn, bằng đủ mọi cách mưu sinh tìm cầu của cải, mà được giàu sang; điều đó người đời ai cũng biết. Như điều mà người đời biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Chớ nghĩ Ta khác người đời.

“Tỳ-kheo, giống như cùng một món đồ, có nơi người ta gọi là kiền-tỳ, có nơi gọi là bát, có nơi gọi là chûy-chûy-la, có nơi gọi là giá-lưu, có nơi gọi là tỳ-tất-đa, có nơi gọi là bà-xà-na, có nơi gọi là tát-lao²⁰, theo sự hiểu biết chõ này hay chõ kia. Ta cũng nói như vậy. Vì sao? Đừng nghĩ Ta khác người đời.

“Như vậy, này các Tỳ-kheo, có pháp thế gian mà Ta đã tự chứng tri, đã tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy. Đối với những

¹⁹. Pāli, S. 22. 94. Puppha (hay Vaddha).

²⁰. Kiền-tỳ 罪 茨, chûy-chûy-la 𠂇 𠂇 羅, giá-lưu 遮 留, tỳ-tất-đa 比 悉 多, bà-xà-na 婆 閣 那, tát-lao 薩 牟, không rõ phiên âm từ gì.

· kẻ mù, không mắt, không biết, không thấy kia, Ta làm gì được.”

“Tỳ-kheo, những gì là pháp thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự chứng tri, tự giác ngộ, rồi vì mọi người phân biệt, giảng nói, hiển hiện, nhưng những kẻ mù không mắt, không biết, không thấy? Tỳ-kheo, đó là, sắc là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nó là pháp thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, là pháp thế gian ở trong thế gian.

“Tỳ-kheo, đó là pháp thế gian ở trong thế gian, mà Ta đã tự biết, tự thấy,... cho đến, những kẻ mù không mắt, không biết không thấy, thì Ta làm gì được!”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 39. CHỦNG TỦ²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vé. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm loại hạt giống. Năm loại đó là gì? Đó là, hạt giống từ rễ, hạt giống từ thân, hạt giống từ đốt²², hạt giống tự rụng, hạt giống từ quả. Năm loại hạt giống này tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió²³, vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước²⁴, thì những loại hạt giống đó không thể sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, tuy không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị mục thối, không bị trúng gió, có nước, nhưng nếu không có đất, thì chúng cũng không sanh trưởng lớn mạnh được. Nếu những hạt giống mới vừa chín tới, chắc hạt này, mà không bị gián đoạn, không bị hư hoại, không bị

²¹. Pāli, S. 22. 54. Bijā.

²². Năm loại giống theo Pāli: mūlabijā, từ rễ; khandhabijā, từ thân, aggabijā, từ cành, hay ngọn, phalubijā, từ đốt; bijabijā, từ hạt giống.

²³. Pāli: avatāpahatāni, không bị làm hư bởi gió, nóng.

²⁴. Bản Pāli: pathavī ca nāssa āpo ca nāssa, không có địa giới và không có thủy giới.

mục thối, không bị trúng gió, có nước, có đất đầy đủ, thì những hạt giống này sẽ sanh trưởng lớn mạnh.

“Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ám cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ²⁵. Nước được ví cho hỷ tham²⁶. Bốn thủ²⁷ vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.

“Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc hiện, hoặc mất, hoặc sanh trưởng lớn mạnh.

“Tỳ-kheo, nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đến, có đi, có hiện, có mất, có sanh, thì chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến thì sẽ không biết, càng làm cho si mê, vì không phải là cảnh giới.

“Đối với sắc giới mà lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, sự trói buộc bởi ý sanh²⁸ và sự ngưng trệ nơi sắc bị đoạn trừ²⁹. Khi sự trói buộc bởi ý sanh³⁰ và sự ngưng trệ nơi thức bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt³¹. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Cũng vậy, đối với thọ, tưởng và hành giới³² lìa tham. Khi đã lìa tham rồi, thì ý sanh xúc³³ và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ. Khi ý sanh xúc và sự ngưng trệ nơi hành bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám bị cắt đứt. Khi sự vin bám bị cắt đứt rồi, thì thức cũng không còn chỗ trụ để sanh trưởng lớn mạnh trở lại. Vì đã không

²⁵. Tứ thức trụ 四識住 . Pāli: catassa viññātthitiyo, bốn điểm lập cược, bốn sở y của thức.

²⁶. Hỷ tham 喜貪 . Pāli: nandirāga.

²⁷. Tứ thủ 四取 . Pāli: cattāri upādāni: kāmūpādānam, ditthūpādānam, sīlabbatūpādānam, attavādūpādānam, dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Xem D. 33. Saṅgīti.

²⁸. Xem cht.20 kinh 64.

²⁹. Ư sắc phong trệ 於 色 封滯 . Pāli: rūpupayam, tiếp cận sắc, bị lôi kéo vào sắc, bị phong tỏa, vây khốn bởi sắc. Xem thêm cht.39 kinh 40.

³⁰. Ý sanh, 意生 , xem cht.20 kinh 64.

³¹. Phan duyên đoạn 磨緣斷 . Pāli: vocchijjatārammanam, sở duyên bị đoạn trừ.

³². Hành giới 行界 . Pāli: saṅkhāradhātu.

³³. Xem cht.20 kinh 64.

sanh trưởng cho nên không tác hành³⁴. Khi đã không tác hành, thì trụ vững³⁵. Do an trụ vững mà tri túc. Do tri túc mà giải thoát.³⁶ Do giải thoát mà đối với các thế gian không còn gì để thủ, không còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để thủ và không còn gì để chấp trước, do đó tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ta nói thức này, không đi sang Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên, dưới. Nó không đi đến đâu cả, mà chỉ ngay trong đời hiện tại sẽ nhập Niết-bàn, tịch diệt, thanh lương, thanh tịnh, chân thật³⁷.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 40. PHONG TRỆ³⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Phong trệ³⁹, thì không giải thoát. Không phong trệ, thì được giải thoát.

“Thế nào là phong trệ không giải thoát?

“Tỳ-kheo, thức vin bám vào bốn thủ ấm mà trụ. Bốn là những gì? Thức bị phong trệ bởi sắc mà trụ. Cũng vậy, thức bị phong trệ bởi thọ,

³⁴. Tác hành 作 行. Pāli: abhisankhāra, hành vi, hành sử, tác động.

³⁵. Pāli: viññānam avirūpam anabhisankharap vimuttam, thức không sanh trưởng, không tác hành, được giải phóng.

³⁶. Pāli: vimuttattā ṭhitam; ṭhitattā santusitam; santusitattā na paritassati, do giải thoát mà trụ vững, do trụ vững mà thỏa mãn; do thỏa mãn mà không sợ hãi.

³⁷. So sánh kinh 64.

³⁸. Pāli, S. 22. 53. Upāya.

³⁹. Phong trệ 封 滯, phong tỏa và trì trệ, bị vây khốn. Pāli. upāyo và sơ giải: taṇhāmānadiṭṭhivasena pañcakkhandhe upagato, do thế lực của ái, mạn, kiến và bị hâm trong năm uẩn. Xem thêm cht.29 kinh 39.

tưởng và hành mà trụ... cho đến chẳng phải là cảnh giới.⁴⁰ Đó gọi là phong trệ nên không giải thoát.

“Thế nào là không bị phong tỏa trì trệ, thì giải thoát?

“Đối với sắc giới ly tham; với thọ, tưởng, hành mà ly tham... cho đến thanh lương, thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không bị phong trệ, thì được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 41. NGŨ CHUYỂN⁴¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ám. Đó là sắc thọ ám; thọ, tưởng, hành, thức thọ ám. Ta đối với năm thọ ám này, có năm như thật tri⁴². Như thật tri về sắc, về sự tập khởi của sắc, về vị ngọt của sắc, về tai hại của sắc và về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, như thật tri về thọ, tưởng, hành, thức, về sự tập khởi của thức, về vị ngọt của thức, về tai hại của thức và về sự xuất ly thức.

“Thế nào là như thật tri về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đai và sắc do bốn đai sanh ra. Đó gọi là sắc. Như vậy, như thật tri về sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có hỷ ái. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của sắc.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của sắc? Do duyên vào sắc mà sanh ra hỷ lạc. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của sắc.

⁴⁰. Xem kinh 39.

⁴¹. Pāli, S.22.56. Upādānam parīvaṭṭam (Thủ chuyển).

⁴². Năm như thật tri về sắc: sắc 色 , sắc tập 色 集 , sắc vị 色 味 , sắc hoạn 色 患 , sắc ly 色 離 . Pāli: Catuparīvaṭṭam, bốn chuyển: rūpaṃ (sắc), rūpasamudāyam (sắc tập), rūpanrodham (sắc diệt), rūpanirodhayāminim paṭipadam (sắc diệt đạo tích).

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của sắc.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly sắc.

“Thế nào là như thật tri về thọ? Có sáu thọ thân. Thọ phát sanh từ nhẫn xúc, thọ phát sanh từ tai, mũi, lưỡi, thân và ý xúc. Đó gọi là sáu thọ. Như vậy, như thật tri về thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thọ.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc duyên vào sáu thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là tai hại của thọ. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thọ.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thọ? Đối với thọ mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là lìa thọ. Như vậy, như thật tri về sự lìa thọ.

“Thế nào là như thật tri về về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh bởi nhẫn xúc; tưởng phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là tưởng. Như vậy, như thật tri về tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của tưởng? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của tưởng.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc do duyên vào tưởng mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly tưởng? Đối với tưởng mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục

tham. Đó gọi là sự lìa tưởng. Như vậy, như thật tri về sự lìa tưởng.

“Thế nào là như thật tri về sự hiện hữu của hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh bởi nhẫn xúc. Tư phát sanh bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý xúc. Đó gọi là hành. Như vậy, như thật tri về hành.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của hành.

“Thế nào gọi là như thật tri về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của hành.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly hành? Đối với hành mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly hành.

“Thế nào là như thật tri về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, thức của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là thức. Như vậy, như thật tri về thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy, như thật tri về sự tập khởi của thức.

“Thế nào là như thật tri về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên vào thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy, như thật tri về vị ngọt của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy, như thật tri về sự tai hại của thức.

“Thế nào là như thật tri về sự xuất ly thức? Đối với thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thức. Như vậy, như thật tri về sự xuất ly của thức.

“Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như vậy, mà thấy như vậy, thì do biết như vậy, thấy như vậy người đó

hướng đến ly dục, đó gọi là chánh hướng⁴³. Nếu người nào hướng đến chân chánh, thì ta nói người đó đã được thể nhập⁴⁴. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật; do biết như thật, thấy như thật, đối với sắc sanh yểm ly, ly dục, không khởi lên các lậu, tâm đạt được giải thoát. Nếu người nào đã đạt được tâm giải thoát, thì người đó thuần nhất⁴⁵. Người nào đã được thuần nhất, thì phạm hạnh đã lập. Người nào phạm hạnh đã lập, không còn bị ai khống chế⁴⁶. Đó gọi là biên tế của khổ⁴⁷. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 42. THẤT XỨ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có bảy xứ thiện⁴⁸, với ba phương pháp quán nghĩa⁴⁹, hoàn toàn⁵⁰ ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận⁵¹, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cụ

⁴³. Chánh hướng 正 向 ; Pāli: sammāpaṭipanno, thực hành chân chánh. Bản Pāli: supaṭipanno, thiện hành, thực hành tốt, thiện xảo.

⁴⁴. Pāli: ye supaṭipannā te imasmīm dhammavinaye gādhanti, những ai thực hành chân chánh (*khéo* *thú* *hướng*), những người ấy xác lập trong pháp và luật này.

⁴⁵. Thuần nhất 純 一 . Pāli: kevalin, con người toàn thiện, đấng độc tôn.

⁴⁶. Hán: ly tha tự tại 離 他 自 在 .

⁴⁷. Khổ biên 苦 邊 . Pāli: dukkhānta, biên tế của khổ, sự chấm dứt của khổ.

⁴⁸. Thất xứ thiện 七 處 善 : ngũ uẩn cùng với tập, diệt, đạo, vị, hoạn, ly. Pāli: sattatthāna-kusala, sự thiện xảo (*khéo* *léo*) trong bảy trường hợp.

⁴⁹. Tam quán nghĩa 三 觀 義 : tức ba khoa uẩn, xứ và giới. Pāli: tividhūpaparikkhi, ba phương pháp quán sát. Xem cht.52 dưới.

⁵⁰. Nguyên Hán: tận 盡 ; có lẽ dịch chữ kevalin: thuần nhất, độc nhất. Xem cht.45.

⁵¹. Pāli: imasmīm dhammavinaye kevalīsusitā, ở trong chánh pháp và luật này mà được độc tôn (chỉ A-la-hán), xác lập.

túc và an trụ, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức.

“Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì là sắc là tất cả bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra. Đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc

“Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của sắc? Ái hỷ diệt. Đó gọi là sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niêm, chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của sắc.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Hỷ lạc do duyên vào sắc mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của sắc? Sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của sắc.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly sắc? Đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly sắc.

“Thế nào là biết như thật về sự hiện hữu của thọ? Có sáu loại thọ: mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc sanh ra thọ, đó gọi là sự hiện hữu của thọ. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự đoạn tận của thọ? Khi xúc diệt, thì đó là sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định, đó gọi là con đường đưa đến sự tận diệt của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự tận diệt của thọ.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Hỷ lạc do duyên thọ mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thọ? Thọ là vô thường, khổ, là biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thọ.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thọ? Nếu ở nơi thọ mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự lìa thọ. Như vậy là biết như thật về sự lìa thọ.

“Thế nào là biết như thật về tưởng? Có sáu tưởng thân. Tưởng phát sanh từ xúc của mắt; tưởng phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tưởng? Diệt tận xúc là diệt tận tưởng. Như vậy là biết như thật về sự đoạn diệt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tưởng? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến... cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự đoạn diệt của tưởng. Như vậy là biết như thật về con đường đoạn diệt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tưởng? Hỷ lạc nhờ duyên vào tưởng mà sanh ra. Đó gọi là vị ngọt của tưởng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của tưởng? Tưởng là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của tưởng.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly tưởng? Nếu ở nơi tưởng mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly tưởng. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly tưởng.

“Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu tư thân. Tư phát sanh từ xúc của mắt. Tư phát sanh từ xúc của tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là sự tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hỷ lạc do duyên vào hành mà sanh ra, nên gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của hành? Hành là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của hành. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của hành.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly hành? Nếu ở nơi hành mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua được dục tham. Đó gọi là sự xuất ly hành. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly hành.

“Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu thức thân. Thức của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó gọi là sự hiện hữu của thức. Như vậy là biết như thật về sự hiện hữu của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là sự tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thức.

“Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Là tám Thánh đạo: Chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức.

“Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Hỷ lạc do duyên thức mà sanh. Đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự tai hại của thức? Thức là vô thường, khổ, là pháp biến dịch. Đó gọi là sự tai hại của thức. Như vậy là biết như thật về sự tai hại của thức.

“Thế nào là biết như thật về sự xuất ly thức? Nếu ở nơi thức mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham. Đó gọi là sự xuất ly thức. Như vậy là biết như thật về sự xuất ly thức.

“Tỳ-kheo, đó gọi là bảy xứ thiện.

“Thế nào là ba phương pháp quán nghĩa? Nếu, Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng, dưới gốc cây, hay nơi đồng trống, quán sát ấm, giới, nhập⁵² bằng phương tiện chân chánh⁵³ mà tư duy nghĩa của chúng. Đó gọi là ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo.

“Đó gọi là bảy xứ thiện và ba phương pháp quán nghĩa của Tỳ-kheo, hoàn toàn ở trong trong pháp này mà chứng đắc lậu tận, đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự thân chứng ngộ cự túc và an trụ, biết rằng, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵². Pāli: dhātuso, āyatanaśo, paṭiccasamuppādāśo, giới, xứ, duyên khởi.

⁵³. Chánh phương tiện, tức chánh tinh tấn. Pāli: sammāvayāma.

KINH 43. THỦ TRƯỚC⁵⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Chấp thủ nên sanh đắm trước⁵⁵. Không chấp thủ, không đắm trước. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thưa vâng, chúng con xin theo lời dạy.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế nào là do chấp thủ nên sanh đắm trước? Phàm phu ngu si không học, đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau⁵⁶; thấy sắc là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu sắc kia chuyển biến hay đổi khác, thì tâm cũng chuyển theo⁵⁷. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nắm giữ tâm mà trú⁵⁸. Sau khi trú, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn⁵⁹, do thủ trước⁶⁰ vậy.

“Phàm phu ngu si vô học, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức thấy là ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; thấy thức là ngã, hay ngã sở để mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ, nếu thức kia chuyển biến hay đổi khác, thì

⁵⁴. Pāli, S. 22. 7 Upādāparitassanā.

⁵⁵. Hán: thủ cố sanh trước 取故生著. Xem thêm cht.62 kinh 44. Pāli: upādā paritassanā, chấp thủ và kinh sợ (*do chấp nên có sợ hãi*).

⁵⁶. Ngã... tương tại 我 ... 相在 ; Pāli: rūpaṃ attato samanupassati rūpavantam vā attānam, attāni rūpaṃ rūpasmiṃ vā attānam, nó quán sát, sắc là ngã, ngã có sắc, sắc trong ngã, ngã trong sắc.

⁵⁷. Pāli: rūpavipariṭāmānupavatti viññānam, sắc biến chuyển, thức vận chuyển theo.

⁵⁸. Paritassanā dhammasamuppādā cittam pariyyādāya tiṭṭhanti, sự sợ hãi và sự sanh khởi của các pháp chiếm cứ tâm đã bị biến đổi theo sắc mà trú. Sở giải nói: paritassanā dhammasamuppādā ti taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca, sự sợ hãi và sự sanh khởi của pháp, đó là sự sợ hãi do khát ái và sự sanh khởi của pháp bất thiện.

⁵⁹. Tâm loạn, có lẽ Pāli: cetaso pariyyādāna (vipariyāsa: điên đảo), tâm bị chiếm cứ.

⁶⁰. Tức do thủ và trước, Pāli: upādāya paritassati, do chấp thủ mà nó sợ hãi. Xem cht.55 trên.

tâm cũng chuyển theo. Khi tâm đã chuyển theo, thì sanh ra sự chấp thủ, nấm giữ tâm mà trụ. Sau khi trụ, sanh ra sợ hãi, chướng ngại tâm loạn; do thủ trước vậy. Đó gọi là thủ trước.

“Thế nào là không thủ, thì không đắm? Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi sắc không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi sắc kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nấm giữ tâm mà trụ. Do không nấm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy.

“Cũng vậy, ở nơi thọ, tưởng, hành, thức không thấy ngã, khác ngã, hay ở trong nhau; ở nơi thức không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ. Không thấy ngã và ngã sở để mà chấp thủ, khi thức kia chuyển biến, hay đổi khác, thì tâm cũng không chuyển theo. Tâm không chuyển theo, không sanh thủ trước, nấm giữ tâm mà trụ. Do không nấm giữ tâm mà trụ, không sanh sợ hãi, chướng ngại, tâm loạn; do không thủ trước vậy. Đó gọi là không thủ trước.

“Đó gọi là thủ trước và không thủ trước.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 44. HỆ TRƯỚC⁶¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có sanh thì sẽ có trói buộc⁶², nếu không sanh thì sẽ không có trói buộc. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Thế nào là nếu có sanh thì sẽ có trói buộc? Phàm phu ngu si vô học, không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, sự tai hại của sắc, sự xuất ly sắc, nên đối với

⁶¹. Pāli, S. 22. 8. Upādāparitassanā.

⁶². Hán: sanh tắc hệ trước 生 則 繫 著 . Pāli: upādāparitassañ ca, chấp thủ và sợ hãi. Có lẽ trong bản Hán đọc là: uppāda-paritassanā, Xem cht.55 kinh 43.

sắc mà ái hỷ, tán thán, thủ trước; ở nơi sắc thấy là ngã, là ngã sở mà chấp thủ. Khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hay đổi khác, tâm theo đó mà biến khác. Vì tâm theo đó biến khác, nên nắm giữ tâm mà trụ⁶³. Vì nắm giữ tâm trụ nên sanh sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng⁶⁴. Vì có sanh nên có sự trói buộc⁶⁵. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là có sanh nên có sự trói buộc.

“Thế nào là nếu không sanh thì không trói buộc? Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly của sắc. Vì đã biết như thật, nên không ái hỷ, tán thán, thủ trước; không buộc chặt ngã và ngã sở, mà chấp thủ. Vì không chấp thủ nên sắc kia nếu biến chuyển hay đổi khác, tâm không theo đó mà biến khác. Vì tâm không theo sự biến khác, nên tâm không bị trói buộc, nắm giữ tâm mà trụ. Do không nắm giữ tâm mà trụ, nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, hoài vọng; vì không sanh nên không trói buộc vậy. Đó gọi là không sanh, nên không có trói buộc.

“Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh, nên không bị trói buộc.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 45. GIÁC⁶⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm. Nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào thấy có ngã, thì tất

^{63.} Xem cht.58 kinh 43.

^{64.} Cố niệm 顧念; kinh 43: tâm loạn (?). Pāli: apekkhavā, hy vọng, hoài vọng.

^{65.} Nguyên văn Hán: dī sanh hệ trước cố. xem cht.62.

^{66.} Pāli, S. 22. 47. Samanupassanā.

cả cũng đều ở nơi năm thọ ấm này mà thấy có ngã. Các Sa-môn, Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hay ngã ở trong sắc, sắc ở trong ngã⁶⁷; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, khác ngã, ngã ở trong thức, thức ở trong ngã.

“Phàm phu ngu si vô học vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau và nói ngã là chân thật nên không xả. Vì không xả nên các căn tăng trưởng. Khi các căn đã tăng trưởng rồi, thì sẽ sanh ra các xúc. Do bị xúc chạm bởi sáu xúc nhập xứ⁶⁸, do đó phàm phu ngu si vô học khởi lên cảm giác khổ vui, từ xúc mà nhập xứ khởi lên. Những gì là sáu? Nhẫn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ.

“Như vậy, Tỳ-kheo, có ý giới, pháp giới, vô minh giới. Kẻ phàm phu ngu si vô học, vì vô minh xúc⁶⁹ cho nên khởi lên ý tưởng có, ý tưởng không, ý tưởng vừa có vừa không, ý tưởng ta hơn, ý tưởng ta bằng, ý tưởng ta kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Những ý tưởng biết như vậy, những ý tưởng thấy như vậy đều do sáu xúc-nhập xứ mà phát sanh.

“Đa văn Thánh đệ tử đối với sáu xúc-nhập xứ này, xả bỏ vô minh mà sanh minh. Không sanh ra ý tưởng về có, ý tưởng về không, ý tưởng về vừa có vừa không, ý tưởng hơn, ý tưởng bằng, ý tưởng kém, ý tưởng ta biết, ta thấy. Khi đã biết như vậy, đã thấy như vậy rồi, thì những gì do vô minh-xúc khởi lên trước kia sẽ bị diệt và cảm thọ phát sanh do minh xúc sau đó sẽ khởi lên.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁶⁷. Sắc tại ngã, ngã tại sắc 色 在 我 我 在 色, trong các kinh khác, Hán dịch là tương tại. Xem cht.65 kinh 23. Pāli: attāni vā rūpam, rūpasmiṃ vā attānam.

⁶⁸. Xúc nhập xứ 觸 入 處, hay xúc xứ. Pāli: phassāyatana.

⁶⁹. Vô minh xúc 無 明 觸, Pāli: avijjāsamphassa, bị xúc động bởi vô minh. Bản Pāli nói: avijjāsamphassajena vedayitena phuṭṭhassa puthujjanassa, đối với phàm phu bị xúc chạm bởi cảm thọ phát sanh do sự xúc động của vô minh.

KINH 46. TAM THẾ ẤM THẾ THỰC⁷⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ám. Những gì là năm? Sắc thọ ám; thọ, tưởng, hành, thức thọ ám.

“Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào nhờ trí túc mạng tự biết rõ những đời sống trước của mình, thì việc đã biết, đang biết, sẽ biết đều phát xuất từ năm thọ ám này. Việc đã biết đang biết, sẽ biết về đời quá khứ của ta đã từng trải qua, có sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.

“Cái gì có thể phân tán, trở ngại⁷¹, thì cái đó gọi là sắc thọ ám⁷². Như bàn tay, đá, gậy, dao, bị trở ngại bởi ngón tay; hoặc do lạnh, nóng, khát, đói, hoặc do xúc bởi muỗi mòng, độc trùng, mưa gió; đó gọi là trở ngại do xúc⁷³. Cho nên, chướng ngại, đó là sắc thọ ám. Lại nữa, sắc thọ ám này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Những tướng cảm nhận, đó là thọ thọ ám⁷⁴. Cảm nhận cái gì? Cảm nhận sự khổ, cảm nhận sự lạc, cảm nhận sự không khổ không lạc. Cho nên gọi tướng cảm nhận là thọ thọ ám. Lại nữa, thọ thọ ám này là vô thường, khổ, biến dịch.

“Các tưởng, là tưởng thọ ám⁷⁵. Tưởng cái gì? Tưởng ít, tưởng

⁷⁰. Bị uẩn trong ba đời nhai nuốt. Pāli, S. 22. 79. Sīha.

⁷¹. Hán: khả ngại khả phân 可 閣 可 分 : có thể bị gây trở ngại, có thể bị chia chẻ.

⁷². Định nghĩa về sắc, xem Câu-xá 1: “vì nó biến hoại nên nói là sắc”. Pāli: ruppatīti kho bhikkhave tasmā rūpan’ ti vuccati, này các Tỳ-kheo, nó nāo hoại (tức gây tổn hại), do đó nó được nói là sắc.

⁷³. Pāli: kena ruppati? sītenapi ruppati uñhenapi ruppati... dāmsa-makasa-(...)-samphassena ruppati, nó bị nāo hoại bởi cái gì? Nó bị nāo hoại bởi lạnh, bởi nóng,... bởi sự xúc chạm của muỗi mòng...

⁷⁴. Chư giác tướng 諸 覺 相 . Định nghĩa thọ uẩn, xem Câu-xá 1: thọ tức lãnh nạp tùy xúc. Pāli: vedayatīti kho bhikkhave tasmā vedanā ti, nó cảm nhận, do đó nó được nói là thọ.

⁷⁵. Định nghĩa về tưởng thủ uẩn, Câu-xá 1: “tưởng thủ tướng vi thể”, tự thể của tưởng là thâu nhận các ấn tượng. Pāli: sañjānātīti kho bhikkhave tasmā saññā ti vuccati, nó tri giác (tri nhận), do đó nó được nói là tưởng.

nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì tưởng là không có gì. Đó gọi là tưởng thọ ấm. Lại nữa, tưởng thọ ấm này là vô thường, khổ, là pháp biến dịch.

“Tưởng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm⁷⁶. Tạo tác cái gì? là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tưởng, hành, và thức. Cho nên tưởng tạo tác hữu vi là hành thọ ấm.

“Lại nữa, hành thọ ấm này là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Tưởng phân biệt biết rõ là thức thọ ấm⁷⁷. Biết rõ cái gì? Là biết rõ sắc, biết rõ thanh, hương, vị, xúc và pháp, cho nên gọi là thức thọ ấm. Lại nữa, thức thọ ấm là pháp vô thường, khổ, biến dịch.

“Này các Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử kia đối với sắc thọ ấm kia phải học như vậy, ‘Ta nay bị sắc hiện tại ăn⁷⁸. Quá khứ đã từng bị sắc kia ăn, như trong hiện tại.’ Lại nghĩ như vậy: ‘Nay ta đang bị sắc hiện tại ăn, nếu mà ta ham muốn sắc vị lai, thì cũng sẽ bị sắc kia ăn như trong hiện tại.’ Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm sắc quá khứ, không ham muốn sắc vị lai, đối với sắc hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt hết tai hại, hướng đến tịch diệt. Đa văn Thánh đệ tử đối với thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm hãy học như vậy, ‘Ta nay bị thức hiện tại ăn. Quá khứ đã từng bị thức kia ăn, như trong hiện tại. Nếu mà ta ham muốn thức vị lai, thì cũng sẽ bị thức kia ăn như trong hiện tại.’ Biết như vậy rồi, người ấy không hoài niệm thức quá khứ, không ham muốn thức vị lai, đối với thức hiện tại sanh yểm ly, lìa dục, diệt tận⁷⁹, hướng đến tịch diệt. Ở đây, diệt chứ không tăng, lui chứ không tiến, diệt chứ không khởi, xả chứ không thủ⁸⁰.

⁷⁶. Định nghĩa hành uẩn, Pāli: saṅkhataṃ abhisañkharonti ti kho bhikkhave saṅkhārā' ti vuccati, chúng tác thành pháp hữu vi, do đó chúng được nói là các hành.

⁷⁷. Định nghĩa thức uẩn, Câu-xá 1: “thức vị các liễu biệt”, thức là sự nhận thức từng đối tượng cá biệt. Pāli: vijānāti' ti kho bhikkhave viññānan' ti vuccati, nó liễu biệt, do đó nó được gọi là thức.

⁷⁸. Pāli: ahñi kho etarahi rūpena khajjami. Ta ở nơi đây bị sắc nhai nuốt.

⁷⁹. Trong bản Hán: diệt hoạn 滅患.

⁸⁰. Diệt nhi bất tăng, thoái nhi bất tiến, diệt nhi bất khởi, xả nhi bất thủ 滅而不增, 退而不進, 滅而不起, 捨而不取. Pāli: apacīnāti no ācīnāti, pajahati na upādiyati, visineti na ussineti, vidhūpeti na sandhūpeti, tổn giảm chứ không tích lũy; đoạn trừ chứ không chấp thủ; xa lánh chứ không gần gũi; làm mất mùi chứ không xông ướp mùi.

“Ở nơi cái gì diệt mà không tăng? Sắc diệt mà không tăng. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không tăng.

“Ở nơi cái gì lùi mà không tiến? Sắc lùi mà không tiến. Thọ, tưởng, hành, thức lùi mà không tiến.

“Ở nơi cái gì diệt mà không khởi? Sắc diệt mà không khởi. Thọ, tưởng, hành, thức diệt mà không khởi.

“Ở nơi cái gì xả mà không thủ? Sắc xả mà không thủ. Thọ, tưởng, hành, thức xả mà không thủ.

“Diệt chữ không tăng, tịch diệt mà an trụ. Lùi chữ không tiến, im lặng lui mà an trụ. Diệt chữ không khởi, tịch diệt mà an trụ. Xả chữ không thủ, không sanh ra sự trói buộc. Không bị trói buộc, nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Khi Đức Phật nói kinh này số đông các Tỳ-kheo không khởi các lậu, tâm được giải thoát.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bài kệ tóm tắt:

*Ngã, ty hã, chủng tử,
Phong trê, ngũ chuyển, thất (xứ thiện)
Hai hệ trước và giác,
Tam thế ấm thế thực.*

**

KINH 47. TÍN⁸¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Thiện nam có lòng tin, cần suy nghĩ như vầy: ‘Ta nên thuận

⁸¹ Quốc Dịch, phẩm 9, quyển 3. Pāli, S. 22. 147. Kulaputtēna-dukkhā, (khổ với thiện giả nam tử).

theo pháp. Ta hãy an trú với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trú với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bền an trú với sự tu tập, tu tập nhiều, về yểm ly đối với sắc; an trú với sự tu tập tu tập nhiều, về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly. Do yểm ly mà ly dục, giải thoát, giải thoát tri kiến, biết rằng 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 48. A-NAN (I)⁸²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Thiện nam tử có lòng tin, chánh tín xuất gia, sống không gia đình, tự nghĩ: 'Ta nên thuận theo pháp. Ta hãy an trú với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trú với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức.' Thiện nam tử có lòng tin bền an trú với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với sắc; an trú với sự tu tập, tu tập nhiều về yểm ly đối với thọ, tưởng, hành, thức, nên đối với sắc được yểm ly; đối với thọ, tưởng, hành, thức được yểm ly⁸³. Ta nói người ấy chắc chắn sẽ được thoát ly khỏi tất cả sanh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não."

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁸². Pāli. 22. 147. Kulaputtena-dukkhā.

⁸³. Trong bản Hán: đắc ly 得離; trong kinh 93: đắc yểm 得厭.

KINH 49. A-NAN (2)⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có trưởng giả hay người con trưởng giả nào có lòng tin, đến hỏi ngươi rằng, ‘Ở nơi pháp nào mà biết rõ được sự sanh diệt của nó?’ thì ngươi sẽ trả lời như thế nào?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào, đến hỏi con như vậy, thì con sẽ đáp rằng, ‘Biết sắc là pháp sanh diệt; biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.’ Bạch Thế Tôn, nếu có trưởng giả hay con trưởng giả nào hỏi như vậy, thì con sẽ trả lời như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt; thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Biết sắc là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, thì đó gọi là biết... thức.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 50. A-NAN (3)⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có các ngoại đạo xuất gia đến hỏi ngươi rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh.’ Được hỏi như vậy, nên đáp thế nào?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

⁸⁴. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

⁸⁵. Pāli, S. 22. 37-38. Ānanda.

“Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia đến hỏi con rằng, ‘A-nan, vì sao Thế Tôn dạy người tu các phạm hạnh?’ Thì con sẽ trả lời rằng, ‘Vì để đối với sắc, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên Đức Thế Tôn dạy tu các phạm hạnh. Vì để đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.’ Bạch Thế Tôn, nếu có người ngoại đạo xuất gia hỏi như vậy, thì con cũng sẽ đáp như vậy.”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên đáp như vậy. Vì sao vậy? Thật vậy, Ta vì đối với sắc mà tu tập yểm ly, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh. Và vì đối với thọ, tưởng, hành, thức, tu tập yểm ly, ly dục, diệt tận, giải thoát, không sanh, nên dạy tu các phạm hạnh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 51. HOẠI PHÁP⁸⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ vì các ông nói pháp hoại và bất hoại⁸⁷. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

“Này các Tỳ-kheo, sắc là pháp hoại. Sắc kia diệt, Niết-bàn là pháp bất hoại⁸⁸. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Thức kia diệt, Niết-bàn, là pháp bất hoại.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁸⁶. Pāli, S. 22. 32. Pabhaṅgu.

⁸⁷. Hoại bất hoại pháp 壞 不 壞 法. Pāli: pabhaṅgum ca apabhaṅgum ca.

⁸⁸. Pāli: yo tassa nirodho vūpasamo atthaṅgamo idam appabhaṅgo, sắc ấy diệt, tịch tĩnh, tiêu vong, ấy là pháp bất hoại.

KINH 52. UẤT-ĐÊ-CA

Như trong Tăng Nhất A-hàm, phẩm Bốn pháp.

**
*

KINH 53. BÀ-LA-MÔN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thú⁸⁹, phía Bắc tụ lạc Tát-ia thuộc nước Câu-tát-la⁹⁰.

Bấy giờ chủ tụ lạc Bà-la-môn Đại Tánh nghe đồn rằng, “Sa-môn dòng họ Thích, ở nơi dòng họ lớn Thích-ca mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia, học đạo, sống không gia đình, thành Bậc Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, đang du hành trong nhân gian, đến ở trong rừng Thân-thú, phía Bắc tụ lạc Tát-la thuộc nước Câu-tát-la này. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm này, tướng mạo danh xưng, công đức chân thật như vậy được cả trời và người ca tụng, tiếng đồn bay khắp tám phương; là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các cõi, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn có thể tự mình chứng biết rõ rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những điều cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Ngài vì đời nói pháp, khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối đều toàn thiện; có nghĩa, có vị đều thiện, thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh thanh bạch, diễn nói chánh pháp vi diệu. Lành thay, nên gặp! Lành thay, nên đi đến! Lành thay, nên cung kính thưa sự!”

Nghĩ như vậy rồi, ông liền sửa soạn xe cộ, đem theo nhiều tùy tùng, bưng bình vàng, người cầm lọng cán vàng, đi đến chỗ Đức Phật, cung kính phụng sự. Khi đến cửa rừng, xuống xe đi bộ đến chỗ Đức Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe có an lành không? Rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Thưa Sa-môn Cù-đàm, Ngài luận về cái gì? Và thuyết về cái gì?”

⁸⁹. Thân-thú lâm 申 恕 林 . Pāli: siṃsapā-vana, rừng cây siṃsapā.

⁹⁰. Câu-tát-la 拘 薩 羅 . Pāli: Kosala.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ta luận về nhân và thuyết về nhân.”

Lại bạch Phật rằng:

“Thế nào là luận về nhân? Và thế nào là thuyết về nhân?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên để thế gian diệt; có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian.”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi? Và có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Phàm phu ngu si không học, nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Vì không biết như thật, nên ái lạc sắc, khen ngợi sắc, tâm nhiễm đắm mà trụ. Kia đối với sắc mà ái lạc nên sanh thủ; duyên thủ nên có hữu; duyên hữu nên có sanh; duyên sanh nên có lão, tử, ưu, bi, khổ, não. Đó chính là sự tập khởi của toàn bộ khối khổ lớn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian tập khởi; có nhân, có duyên cho sự tập khởi của thế gian.”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Thế nào là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận? Và có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian?”

Đức Phật bảo Bà-la-môn:

“Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Do biết như thật, đối với sắc không ái lạc, không khen ngợi, không nhiễm đắm, không lưu trú. Không ái lạc, không lưu trú, nên sắc ái bị diệt; ái diệt nên thủ diệt; thủ diệt nên hữu diệt; hữu diệt nên sanh diệt; sanh diệt nên lão, tử, ưu, bi, khổ, não diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Này Bà-la-môn, đó gọi là có nhân, có duyên để thế gian diệt tận; cũng gọi là có nhân, có duyên cho sự diệt tận của thế gian.

“Này Bà-la-môn, đó gọi là luận nhân, đó gọi là thuyết nhân.”

Bà-la-môn bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-dàm, luận nhân là như vậy, thuyết nhân là như vậy. Tôi bận nhiều việc thế gian, nay xin từ giã ra về.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Nên biết đúng thời.”

Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, lễ dưới chân rồi lui.

**
*

KINH 54. THẾ GIAN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nai.

Bấy giờ có Bà-la-môn tại tu lạc Tỳ-ca-đa-lỗ-ca, đến chỗ Đức Phật, cung kính thăm hỏi, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật rằng:

“Thưa Cù-dàm, tôi có một đệ tử trẻ, biết thiên văn, biết chủng tộc, xem tướng tốt, xấu cho mọi người; nói có, ắt là có; nói không, ắt là không; nói thành, ắt là thành; nói hoại, ắt là hoại. Thưa Cù-dàm, ý ông nghĩ sao?”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Hãy gác qua việc đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc. Nay Ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời.

“Này Bà-la-môn, ý ông nghĩ sao, sắc vốn không có chủng loại chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

“Thọ, tưởng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ông bảo rằng đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người mà nói như vầy: Nói có, ắt là có; nói không, ắt là không. Vậy cái biết cái thấy này không phải là không thật chăng?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Có loại sắc nào còn mãi trăm năm không? khác với sanh, khác với diệt chăng? Thọ, tưởng, hành, thức còn mãi trăm năm chăng? Hay khác với sanh, khác với diệt chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ của ông, biết thiên văn, biết chủng tộc, vì mọi người nói là thành chư không hoại; vậy cái biết, cái thấy này không phải là không thay đổi chăng?”

Đáp:

“Đúng vậy, Thế Tôn.”

Phật bảo Bà-la-môn:

“Ý ông nghĩ sao? Pháp này và pháp kia; thuyết này và thuyết kia, quan điểm nào hơn?”

Bà-la-môn bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, ở đây là nói như pháp, như những gì Đức Phật đã nói, hiển bày, khai mở. Cũng như có người bị chìm xuống nước được cứu hộ, người bị tù tội được giải thoát ra, người lạc đường được chỉ nẻo đi, nơi tăm tối được đèn sáng. Hôm nay, Đức Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng, cũng lại hiển bày, khai phát như vậy.”

Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ tùy hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ dưới chân rồi lui.

**

KINH 55. ẤM⁹¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc đā, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay, Ta sẽ nói về ấm và thọ ấm.

⁹¹. Pāli, S. 22, 48. Khandā.

“Thế nào là ấm? Những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng được gọi chung là sắc ấm.

“Tùy theo những gì là thọ, tưởng, hành, thức; tất cả được gọi chung là thọ, tưởng, hành, thức ấm. Đó gọi là ấm.

“Thế nào là thọ ấm? Nếu sắc là hữu lậu, chấp thủ, thì sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, phát sanh ra tham dục, sân nhuế, ngu si và các thứ tâm pháp tùy phiền não⁹² khác. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đó gọi là thọ ấm.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 56. LÂU VÔ LÂU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân đọa xứ, nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về pháp hữu lậu và vô lậu.

“Thế nào là pháp hữu lậu? Nếu sắc là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; sắc sanh ra ái và nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp hữu lậu, bị chấp thủ; thức kia sanh ra ái và nhuế. Đó gọi là pháp hữu lậu.

“Thế nào là pháp vô lậu? Những gì sắc vô lậu, không bị chấp thụ⁹³; sắc kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, sắc kia không sanh ái, nhuế. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô lậu, không chấp thủ; thức kia hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, không sanh ái, nhuế. Đó gọi là pháp vô lậu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁹². Thương phiền não tâm pháp 上 煩 惱 心 法 ; chỉ các tâm sở tùy phiền não.

⁹³. Trong bản Hán: phi thọ 非 受 .

Kệ tóm tắt:

*Hai tín, hai A-nan,
Pháp hoại, Uất-để-ca,
Bà-la và thế gian,
Trừ pháp lậu, vô lậu.*

**
*

KINH 57. TẬT LÂU TẬN⁹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Sau đó, lại ôm y-bát, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình, đến quốc độ phương Tây, du hành trong nhân gian⁹⁵.

Bấy giờ, trong rừng An-đà có một Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình. Sau khi thấy vậy, liền đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

“Tôn giả biết cho, Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo kia:

“Nếu như Đức Thế Tôn, không nói với chúng, không bảo thị giả, một thân một mình ra đi du hành, thì chúng ta không nên đi theo. Vì sao? Vì ngày hôm nay Đức Thế Tôn muốn ít bận rộn để an trú tịch diệt⁹⁶. ”

Bấy giờ Đức Thế Tôn du hành về phương Bắc, đến trú dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la⁹⁷, trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc

⁹⁴. Quốc Dịch, phẩm 10. Pāli, S. 22. 81. Pārileyya.

⁹⁵. Chuyện xảy ra khi Phật trú tại Kiều-thưởng-di. Pāli: Kosambiyam viharati ghositārāme.

⁹⁶. Hán: tịch diệt 寂滅, đây chỉ sự tĩnh lặng.

⁹⁷. Bạt-đà-tát-la. thọ 跋陀薩羅樹. Pāli: bhaddasāla (cây sa-la hiền), một loại cây sa-la.

Ba-đà⁹⁸ thuộc nước Bán-xà⁹⁹.

Sau khi Đức Thế Tôn đi rồi, có một số đông Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa với Tôn giả A-nan rằng:

“Ngài có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở nơi nào không?”

Tôn giả A-nan đáp:

“Tôi có nghe, hiện nay Đức Thế Tôn đang ở về phương Bắc, dưới tàn cây Bạt-đà-tát-la, trong rừng cây có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà thuộc nước Bán-xà.”

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan rằng:

“Tôn giả biết cho, đã lâu rồi chúng tôi không gặp Đức Thế Tôn; nếu ngài không ngại cực nhọc, thì có thể cùng chúng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn, xin thương xót cho!”

Tôn giả A-nan biết đã đúng lúc, nên im lặng mà nhận lời.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo chờ qua đêm, sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong trở về tinh xá, sắp xếp ngọt cụ, mang y bát, đi về hướng Tây du hành trong nhân gian, rồi quay về hướng Bắc, đến khu rừng có người giữ gìn, tại tụ lạc Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo sắp xếp y bát, rửa chân xong, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo nói pháp, khai thị, giáo giới, làm cho lợi ích, làm cho an lạc¹⁰⁰.

Vào lúc ấy, giữa chúng có một Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Biết như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được những ý nghĩ của Tỳ-kheo kia, nên bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo đang ở trong chỗ ngồi này nghĩ rằng: ‘Biết

⁹⁸. Ba-đà tụ lạc 波陀聚落. Pāli: Pārileyyaka, tên một khu rừng được bảo vệ (rakkhitavanasañdo, sở giải) tại Kosambi.

⁹⁹. Bán-xà quốc 半闍國, Pāli: Pañcalā; nhưng bản Pāli không đề cập tên nước này.

¹⁰⁰. Thị giáo lợi hỷ 示教利喜, thứ tự thuyết pháp của Phật. Pāli: samdassesi samādapesi samuttejasi sampahamsesi.

như thế nào, thấy như thế nào để nhanh chóng chứng đắc lậu tận¹⁰¹?' Ta đã từng nói pháp rằng: 'Hãy khéo léo quán sát các ấm; đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần.' Ta đã từng nói những pháp như vậy để quán sát các ấm. Thế mà hiện nay vẫn còn có thiện nam tử, không muốn nỗ lực siêng thực hành, không nỗ lực siêng vui thích, không nỗ lực siêng suy nghĩ, không nỗ lực siêng tin tưởng, mà tự biếng lười, không nỗ lực tăng tiến để diệt tận được các lậu! Lại nữa, nếu có thiện nam tử đối với những gì Ta đã nói, mà quán sát các ấm, nỗ lực siêng ham muốn, nỗ lực siêng vui thích, nỗ lực siêng suy nghĩ, nỗ lực siêng tin tưởng, thì có thể nhanh chóng chứng đắc lậu tận.

"Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã. Nếu thấy ngã, thì đó gọi là hành¹⁰². Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh và cái gì chuyển¹⁰³? Ái được sanh bởi vô minh xúc¹⁰⁴ và duyên vào ái nên khởi lên hành này.

"Ái này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Ái này lấy thọ làm nhân, thọ là tập khởi; do thọ sanh, do thọ chuyển.

"Thọ này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? Thọ này lấy xúc làm nhân, xúc là tập khởi; do xúc sanh, do xúc chuyển.

"Xúc này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển?

Xúc này lấy sáu nhập xứ làm nhân, sáu nhập xứ là tập khởi; do sáu nhập xứ sanh, do sáu nhập xứ chuyển.

"Sáu nhập xứ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi

¹⁰¹. Pāli: anantarā āsavānam khayo hoti, vô gián lậu tận.

¹⁰². Hành 行 . Pāli: saṅkhāro.

¹⁰³. Nhân, tập, sanh, chuyển 因集生轉, tức bốn hành tướng của Tập để trong Thánh để hiện quán (nhân, tập, sanh, duyên) của Hữu bộ, xem Câu-xá 23. Pāli: kiṃnidāno kiṃsamudayo kiṃjātiko kiṃpabhavo.

¹⁰⁴. Xúc sanh ái 觸生愛. Pāli: avijjāsamphassajena... vedayitena... uppannā taṇhā, khát ái sanh bởi cảm thọ phát sanh từ sự xúc động (chạm) của vô minh.

của tâm; xúc thọ, hành thọ này là pháp hữu vi vô thường, là pháp duyên khởi của tâm¹⁰⁵.

“Người nào đã quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã; hay không thấy sắc là ngã mà còn thấy sắc là ngã sở; hay không thấy sắc ngã sở mà còn thấy sắc ở trong ngã; hay không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; hay không thấy ngã ở trong sắc mà còn thấy thọ là ngã; hay không thấy thọ là ngã mà còn thấy thọ là ngã sở; hay không thấy thọ là ngã sở mà còn thấy thọ ở trong ngã; hay không thấy thọ ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thọ; hay không thấy ngã ở trong thọ mà còn thấy tưởng là ngã; hay không còn thấy tưởng là ngã mà còn thấy tưởng là ngã sở; hay không thấy tưởng ngã sở mà còn thấy tưởng ở trong ngã; hay không thấy tưởng ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong tưởng; hay không thấy ngã ở trong tưởng mà còn thấy hành là ngã; hay không thấy hành là ngã mà còn thấy hành là ngã sở; hay không thấy hành là ngã sở mà còn thấy hành ở trong ngã; hay không thấy hành ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong hành; hay không thấy ngã ở trong hành mà còn thấy ngã ở trong hành mà còn thấy thức là ngã; hay không thấy thức là ngã mà còn thấy thức là ngã sở; hay không còn thấy thức là ngã sở mà còn thấy thức ở trong ngã; hay không thấy thức ở trong ngã mà còn thấy ngã ở trong thức; hay không thấy ngã ở trong thức mà lại khởi lên đoạn kiến, hoại hữu¹⁰⁶ kiến; hay không khởi đoạn kiến, hoại hữu kiến, nhưng không xa lìa ngã mạn. Người nào không xa lìa ngã mạn, thì lại thấy ngã. Thấy ngã, đó là hành. Hành này, cái gì làm nhân, cái gì là tập khởi; cái gì sanh, cái gì chuyển? thì như trước đã nói, cho đến, ngã mạn.

“Người nào biết như vậy, thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lâu tận.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

¹⁰⁵. Tâm duyên khởi pháp 心緣起法, pháp duyên vào tâm mà khởi. Pāli: aniccam saṅkhataṃ paṭiccasamuppannam, (là pháp) vô thường, hữu vi, duyên khởi.

¹⁰⁶. Hoại hữu 壞有, tức phi hữu, theo nghĩa hủy diệt, không còn tồn tại. Pāli: vibhava.

KINH 58. ẤM CĂN¹⁰⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Lộc mẫu, Đông viên, nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy¹⁰⁸, Thế Tôn đến trước các Tỳ-kheo, trải tòa ngồi và bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm thọ ấm. Những gì là năm? Sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm.”

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích áo vai bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, có phải đây là năm thọ ấm: sắc thọ ấm; thọ, tưởng, hành, thức thọ ấm?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy trở lại chỗ ngồi mà hỏi, Ta sẽ vì ngươi mà nói.”

Tỳ-kheo kia sau khi lạy Phật rồi trở lại chỗ ngồi của mình, bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, năm thọ ấm này, lấy gì làm gốc, do gì tập khởi, do cái gì mà sanh, do cái gì mà xúc?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Năm thọ ấm này, lấy dục làm gốc, do dục tập khởi, vì dục sanh và vì dục mà xúc.”

¹⁰⁹Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật vừa nói, hoan hỷ tùy hỷ, mà bạch Phật rằng:

“Thế Tôn đã vì chúng con nói, năm ấm là thọ¹¹⁰. Hay thay! những gì đã được nói. Nay con xin hỏi lại. Bạch Thế Tôn, ấm là thọ hay năm ấm khác thọ?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

¹⁰⁷. Pāli, tham chiếu các kinh, S. 22. 82. Puṇṇamā; M. 109. Mahāpuṇṇama-sutta;
¹¹⁰. Cūḍapuṇṇama-sutta.

¹⁰⁸. Bản Pāli: tad uposathe pannarase puṇṇāya puṇṇamāya rattiya, ngày Bổ-tát, vào đêm trăng tròn nửa tháng.

¹⁰⁹. Theo kệ tóm tắt ở cuối phẩm, từ đây xuống, thuộc kinh khác, có tên là “Ấm tức thọ”.

¹¹⁰. Thọ 受, tức thủ hay chấp thủ. Pāli: upādāna.

“Chẳng phải năm ấm là thọ, cũng chẳng phải năm ấm khác thọ.
Ở nơi đó mà có dục tham, thì đó là năm thọ ấm”¹¹¹.

¹¹²Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay, Thế Tôn! Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Có hai ấm tương quan¹¹³ chẳng?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Cũng như có một người suy nghĩ như vậy:
‘Ta ở đời vị lai sẽ được sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành
như vậy, thức như vậy.’ Đó gọi là ấm ấm tương quan¹¹⁴. ”

¹¹⁵Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là ấm¹¹⁶? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Những gì sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc
trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc
gần, tất cả chúng gọi chung là ấm. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như
vậy. Như vậy, này Tỳ-kheo, đó gọi là ấm.”

¹¹⁷Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

¹¹¹. Pāli: yo tattha chandarāgo tam tattha upādānan ti, nơi nào có dục tham, nơi đó
có chấp thủ.

¹¹². Theo bài kệ tóm tắt cuối phẩm, từ đây trở xuống thuộc kinh khác, gọi là “kinh
Hai ấm tương quan”.

¹¹³. Hán: tương quan 相 觀, có lẽ là tương ngại 相 閣: hai ấm trở ngại nhau. Câu
hỏi theo Pāli: siyā pana bhante pañcupādānakkhandhesu chandarāgavemattā ti,
có sự sai biệt của dục tham trong năm thủ uẩn chẳng? Xem thêm cht.116 dưới.

¹¹⁴. Xem cht.113.

¹¹⁵. Theo kệ tóm tắt, trở xuống thuộc kinh “Danh tự”.

¹¹⁶. Câu hỏi theo Pāli: kittāvatā nu kho khandhanam khandhādhivacanan ti, cho đến
mức nào là danh xưng uẩn của các uẩn? Có lẽ câu này trong bản Hán được
dịch là “ấm ấm tương quan”?

¹¹⁷. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh “Nhân duyên”.

“Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì mà gọi là sắc ấm? Do nhân gì, duyên gì mà gọi thọ, tưởng, hành, thức ấm?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Bốn đại là nhân, bốn đại là duyên; đó gọi là sắc ấm. Vì sao? Vì những gì thuộc về sắc ấm, tất cả những cái đó đều là bốn đại, được tác thành do duyên bốn đại. Xúc là nhân, xúc là duyên sanh ra thọ, tưởng, hành; cho nên gọi là thọ, tưởng, hành ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng, hành, thì tất cả chúng đều lấy xúc làm duyên. Danh sắc là nhân, danh sắc là duyên, đó gọi là thức ấm. Vì sao? Vì nếu những gì thuộc về thức, thì tất cả chúng đều lấy danh sắc làm duyên.”

¹¹⁸Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là sự tai hại của sắc? Thế nào là sự xuất ly sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, tưởng, hành, thức? Thế nào là sự tai hại của thức? Thế nào là sự xuất ly của thức?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hỷ lạc duyên vào sắc sanh ra, đó gọi là vị ngọt của sắc. Nếu sắc là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, đó gọi là sự tai hại của sắc. Nếu đối với sắc mà điều phục dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt qua khỏi dục tham, đó gọi là sự xuất ly sắc. Nếu hỷ lạc duyên vào thọ, tưởng, hành, thức sanh ra, đó gọi là vị ngọt của thức. Nếu thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khổ, biến dịch, thì đó gọi là sự tai hại của thức. Đối với thọ, tưởng, hành, thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ được dục tham, vượt qua khỏi dục tham, thì đó gọi là sự xuất ly thức.

¹¹⁹Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Từ cái gì sanh ra ngã mạn¹²⁰?”

¹¹⁸. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh “Hai vị ngọt”.

¹¹⁹. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh “Ngã mạn”.

¹²⁰. Ngã mạn 息慢, phúc cảm tác thành tự ngã. Ở đây, Pāli: ahamkāra-mamamkāra-mānānusaya, ngã, ngã sở và mạn tùy miên.

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Phàm phu ngu si không học, ở nơi sắc thấy là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hay ở trong nhau. Từ đây sanh ra ngã mạn.”

¹²¹Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Bạch Thế Tôn, làm thế nào để đạt được không ngã mạn?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Đa văn Thánh đệ tử ở nơi sắc không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau. Ở nơi thọ, tưởng, hành, thức cũng không thấy là ngã, là khác ngã, là ở trong nhau.”

¹²²Tỳ-kheo bạch Phật:

“Lành thay! Những gì đã được nói. Hoan hỷ, tùy hỷ.”

Lại hỏi nữa:

“Biết cái gì, thấy cái gì nhanh chóng chứng đắc lậu tận¹²³? ”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, không khác ngã, không ở trong nhau. Và thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Tỳ-kheo, biết như vậy, nên thấy như vậy, nhanh chóng chứng đắc lậu tận.”

Bấy giờ, trong chúng lại có một vị Tỳ-kheo khác căn trú đần độn, không hiểu biết, vì vô minh che lấp, nên khởi tà kiến ác, nghĩ rằng: “Nếu vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, vậy thì ai là người sẽ chịu quả báo trong đời vị lai?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo kia, nên liền bảo các Tỳ-kheo:

“Ở trong chúng này, có người ngu si, vô trí, vô minh, nghĩ rằng: ‘Nếu sắc là vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức là vô ngã, tạo nghiệp vô ngã, thì ai là người sẽ nhận quả báo?’ Những điều nghi ngờ như vậy,

¹²¹. Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh “Không ngã mạn”.

¹²². Theo kệ tóm tắt, trở xuống là kinh “Chóng lậu tận”.

¹²³. Trong bản Hán: *tận đắc 盡 得*; có lẽ chính xác là *tật đắc 疾 得*.